



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**




**BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN 2023**



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

 [www.kigimex.com.vn](http://www.kigimex.com.vn)

 0297 3863491

 Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

# MỤC LỤC

## PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

## PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

## PHẦN III

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG  
GIÁM ĐỐC

## PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## PHẦN V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

## PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2023



## THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

## Thông tin khái quát

<b>Tên giao dịch:</b>	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
<b>Tên viết tắt:</b>	Kigimex
<b>Tên Tiếng Anh:</b>	KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY
<b>Mã cổ phiếu:</b>	KGM
<b>Vốn điều lệ:</b>	254.300.000.000 đồng
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	254.300.000.000 đồng
<b>Địa chỉ:</b>	Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
<b>Điện thoại:</b>	0297 3863 491
<b>Fax:</b>	0297 3862 309
<b>Email:</b>	info@kigimex.com.vn
<b>Website:</b>	www.kigimex.com.vn
<b>Giấy chứng nhận ĐKDN:</b>	Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005 và thay đổi lần thứ 21 ngày 28/03/2023



## Quá trình hình thành phát triển

1976: Công ty đổi tên thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang, trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang.

1981: Công ty đổi tên thành Công ty Liên hợp xuất khẩu Kiên Giang.

1982: Công ty đổi tên thành Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang, các công ty trực thuộc là Công ty Xuất nhập khẩu Rau quả, Công ty Dầu thực vật, Cửa hàng Kiều hổi, Công ty Nông sản Thực phẩm xuất khẩu, Nhà máy đông lạnh khóm, Xí nghiệp đông lạnh thủy sản xuất khẩu, Đội tàu Sông Kiên.

04/1994: Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

1995: Tổng Công ty Lương thực Miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/TCLĐ - QĐ ngày 25/11/1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.



14/09/2017: Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là KGM và số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 25.430.000 cổ phiếu.

21/09/2017: Công ty thực hiện giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đ/CP

2021: Công ty tập trung phát triển kinh doanh và nghiêm túc tuân thủ các chỉ thị của Chính phủ để hạn chế tối đa các tác động của đại dịch Covid-19. Áp dụng “Ba tại chỗ”, “Một cung đường, hai điểm đến” cho các đơn vị sản xuất. Đối với khối văn phòng, Công ty áp dụng chính sách “30% trực tiếp, 70% trực tuyến”.

2022: Ban lãnh đạo và nhân viên Công ty đã nỗ lực tối đa trong tất cả các hoạt động để duy trì kết quả kinh doanh ổn định của Công ty, trước những khó khăn, biến động và tác động tiêu cực từ bối cảnh vĩ mô.

1976-1982

1983-1992

1993-1995

2005-2006

2017

2019-2020

2021-2022

2023

1988: Công ty đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang với 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang.

1992: Theo Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992, UBND tỉnh Kiên Giang ra quyết định thành lập Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang với giấy phép Kinh doanh Xuất nhập khẩu số 4081004 do Bộ Thương mại cấp ngày 01/03/1993.

31/05/2005: Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang theo Quyết định số 123/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

01/07/2016: Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19) với tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

2019: Công ty giao dịch thành công với một số khách hàng mới (Wilmar, aT), đặc biệt là lần đầu tiên thắng thầu cung cấp cho thị trường Hàn Quốc loại gạo lứt hạt ngắn Japonica.

2020: Công ty đưa thêm nhiều sản phẩm mới vào danh mục sản phẩm kinh doanh như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica, gạo lứt hạt dài và cá cơm lá chanh.

Bất chấp những khó khăn của kinh tế chung trong năm 2023, Kigimex vẫn hoàn thành các kế hoạch và mục tiêu lợi nhuận đã đề ra, khi doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng lần lượt là 171% và 220% so với năm 2022. Điều này góp phần khẳng định vào vị thế của Công ty trên thị trường xuất khẩu gạo tại Việt Nam.

## Các giải thưởng tiêu biểu

Kigimex luôn được Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đánh giá cao vì sự:

- Ổn định tài chính
- Ổn định nội bộ
- Sản lượng tiêu thụ & Lợi nhuận cao

- Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III.
- Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua.
- Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I.
- Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động.
- Bộ Công thương xếp hạng trong 10 Doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về Xuất khẩu gạo và nhiều năm liền được bình chọn là Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín.
- Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.
- Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt.
- Đạt Cúp Vàng Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam.
- Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng.
- Hàng năm được Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.
- Được đạt nhiều Danh hiệu, Giải thưởng, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



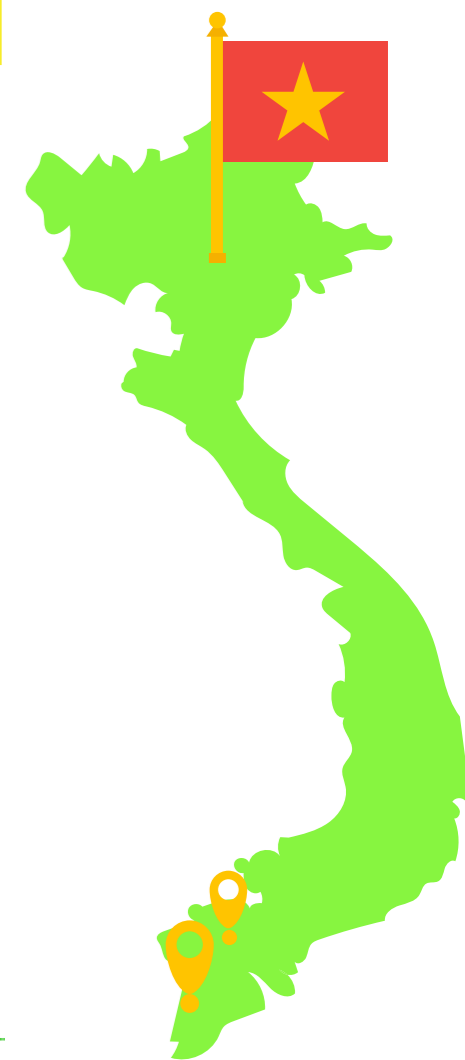
- **2019:** Bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, phối hợp, thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế giai đoạn 2018- 2019” do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam trao tặng.
- Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng.
- Công nhận xếp loại tập thể Công đoàn cơ sở tốt năm 2019 của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng.
- Giấy khen và tặng phẩm của Ban chấp hành Công đoàn Tổng công ty Lương thực Miền Nam do Tổng Công ty trao tặng.
- Bằng khen danh hiệu “Danh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
- **2020:** Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề “Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.
- **2021:** Cờ thi đua “Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Bằng khen “Thành tích đột xuất, xuất sắc đóng góp thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19”. Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 của Bộ công thương cấp.
- **2022:** Tổng Công ty công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2022.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Bằng khen “Chuyên đề doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2022” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Bằng khen có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong giai đoạn 2018 – 2022, đóng góp vào sự phát triển của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
- Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 của Bộ công thương cấp.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- **2023:** Tổng Công ty công nhận danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm 2023.
- Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua doanh nhân và doanh nghiệp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2023” của UBND tỉnh Kiên Giang.
- Giấy khen “Thực hiện tốt công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế năm 2023” của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Kiên Giang

## Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Kigimex hoạt động trong ba ngành hàng là gạo, cá cơm và xăng dầu. Thị trường gạo chính của Kigimex là châu Phi, chủ yếu là Ghana và các thị trường khác như Philippines, Hàn Quốc... Trong năm, Công ty đã có thêm đơn hàng xuất khẩu gạo tại Indonesia, thị trường không phải thị trường truyền thống. Sản phẩm chủ yếu là gạo thơm và gạo đặc sản như KDM, Jasmine, Đài Thơm 8, Japonica. Đối với ngành hàng cá cơm phơi khô đóng hộp, Công ty chủ yếu xuất sang thị trường Singapore, chiếm tỷ trọng trên 90%, phần còn lại xuất sang Trung Quốc và bán nội địa. Đối với ngành hàng xăng dầu, Kigimex là thương nhân phân phối, Công ty nhập hàng từ các đơn vị đầu mối và thương nhân phân phối khác và phân phối lại trong tỉnh Kiên Giang và một số vùng lân cận. Tuy nhiên, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Kigimex vẫn là mặt hàng lúa gạo (ngành hàng kinh doanh chính của công ty).

Mã ngành	Chi tiết ngành nghề
4631 (Chính)	Bán buôn gạo
0111	Trồng lúa
0129	Trồng cây lâu năm khác
1061	Xay xát và sản xuất bột thô
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
5222	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
4661	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
4730	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh
4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
4632	Bán buôn thực phẩm
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.	0297 3834 435
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	0297 3910 163
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.	0297 3663 838
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.	0297 3822 113
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.	0297 3770 770
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, Tp Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	0297 6257 049
Xí nghiệp Chế biến Cá cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.	0297 3854 316



**T**rụ sở chính của Kigimex nằm ở địa chỉ số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam. Sản phẩm gạo và cá cơm của Công ty được tiêu thụ cả thị trường trong nước lẫn quốc tế. Thị trường xuất khẩu lúa, gạo của Công ty khá đa dạng, trực tiếp xuất khẩu đến các thị trường Châu Á, Châu Phi, Châu Âu, Châu Mỹ. Đặc biệt trong năm 2022 công ty đã xuất khẩu gạo vào thị trường Trung đông và qua kênh phân phối với các tập đoàn, công ty lớn có trụ sở tại Châu Âu, Singapore,... Đối với các mặt hàng cá cơm, ngoài phần lớn tiêu thụ nội địa thì thị trường Singapore, Trung Quốc và Malaysia cũng là thị trường tiêu thụ mang lại doanh thu lớn cho sản phẩm cá cơm.

## Mô hình quản trị

### Mô hình quản trị

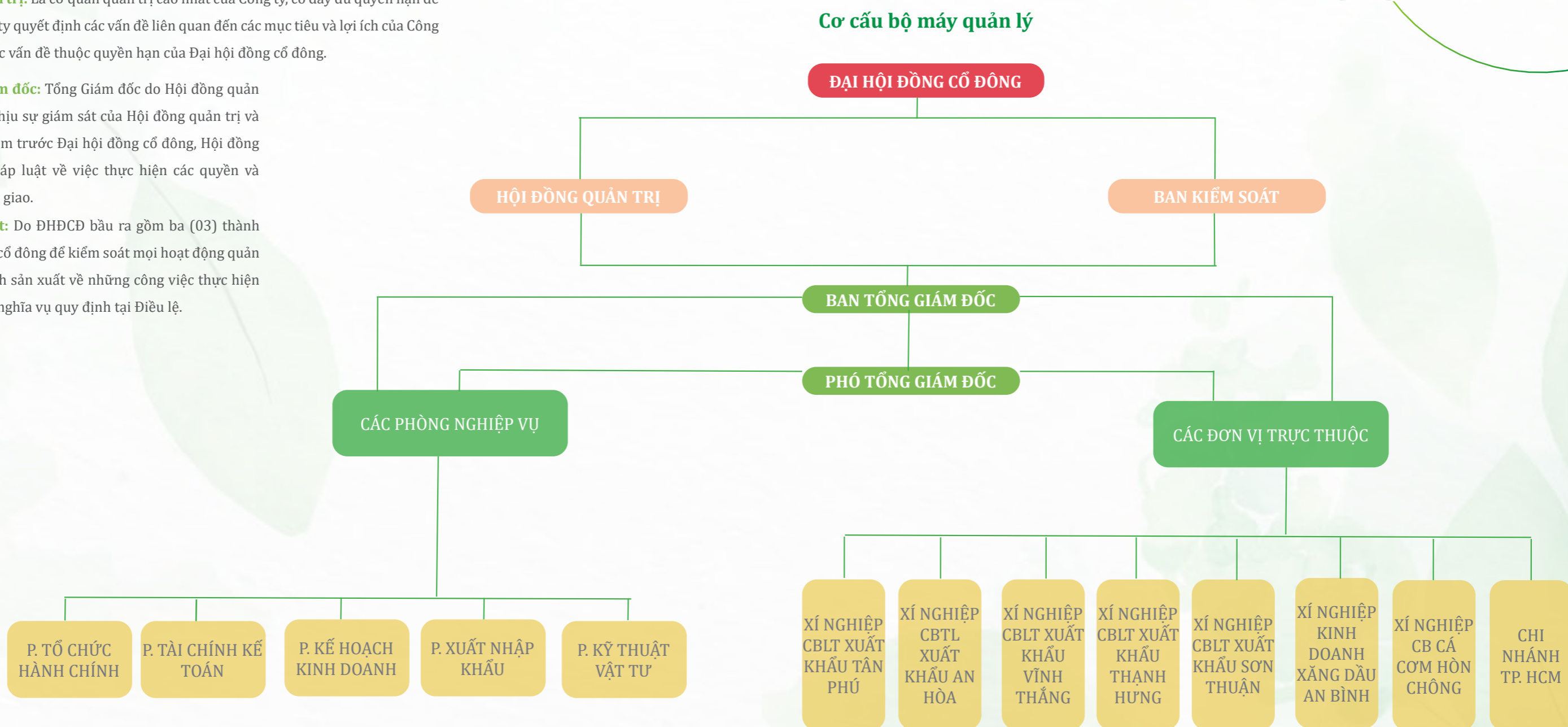
Mô hình quản trị của CTCP Xuất nhập khẩu Kiên Giang được tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, cụ thể như sau:

**Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Điều lệ Công ty và Pháp luật liên quan quy định.

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến các mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

**Ban kiểm soát:** Do ĐHĐCĐ bầu ra gồm ba (03) thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ.



**Các công ty con, Công ty liên kết:** Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.



## Định hướng phát triển



### Tầm nhìn & Sứ mệnh

- **Tầm nhìn**

Trở thành Công ty hàng đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, lương thực thông qua "Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả và thương hiệu gạo nổi tiếng thế giới".

- **Sứ mệnh**

Sứ mệnh của Công ty là tạo ra các sản phẩm ổn định và chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời góp phần xây dựng thương hiệu sản phẩm Việt trên thị trường thế giới. Để đạt được mục tiêu này, Kigimex luôn tập trung vào việc cải tiến công nghệ, năng cấp và đầu tư mới trang thiết bị, nhằm tăng cường hiệu quả sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm.



### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Ban lãnh đạo của công ty đã xác định rõ mục tiêu chính của công ty là tạo ra giá trị bền vững trên nhiều mặt khác nhau, và chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi của công ty, được thể hiện thông qua các chỉ tiêu như lợi nhuận và doanh thu. Mục tiêu này giúp công ty tiến xa hơn trên thị trường nội địa và quốc tế, đồng thời giúp mặt hàng của Việt Nam được nhiều người biết đến hơn ở các nước khác.
- Ngoài việc tập trung vào phát triển kinh doanh, công ty cũng đặt mục tiêu nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu này, công ty không ngừng xây dựng đội ngũ lãnh đạo, đội ngũ quản lý và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp và có năng lực. Việc này giúp công ty duy trì và phát triển vững chắc trong thời gian dài và đóng góp tích cực vào sự phát triển của đất nước.



## Định hướng phát triển (tt)



### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cam kết tăng cường công tác xây dựng thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp, hướng tới sự phát triển bền vững trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh. Với tầm nhìn xa hơn trong tương lai, Công ty không ngừng tìm kiếm và chọn lựa các đối tác tiềm năng về vốn, kỹ thuật và năng lực quản trị. Quá trình lựa chọn đối tác là một nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi sự đánh giá kỹ lưỡng dựa trên nhiều tiêu chí để đảm bảo hiệu quả kinh doanh và tối ưu hóa lợi ích cho tất cả các bên liên quan. Công ty đặt sự chú trọng vào việc nâng cao năng lực quản trị, thực hiện nghiên cứu và áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến nhằm tối đa hóa lợi nhuận và tăng cường sức cạnh tranh. Bên cạnh việc tập trung vào sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng đến tác động môi trường bằng cách đánh giá tác động của các hoạt động sản xuất đến môi trường. Điều này nhằm đảm bảo rằng Công ty không gây ô nhiễm môi trường và không ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

- Công ty không chỉ tập trung vào việc phát triển ngành nghề chính mà còn mở rộng phạm vi hoạt động bằng cách đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và kinh doanh mới để tối ưu hóa nguồn thu. Đồng thời, Công ty cũng đầu tư vào các thiết bị chuyên ngành và áp dụng những cải tiến kỹ thuật đổi mới trong công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng độ tin cậy đối với khách hàng. Điều này không chỉ giúp Công ty mở rộng thị phần mà còn đảm bảo đạt được mục tiêu tăng trưởng trong tương lai.
- Cùng với sự phát triển của kinh tế hiện đại, khả năng cạnh tranh của một doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào chất lượng sản phẩm mà còn đến từ công nghệ và khả năng sáng tạo. Vì vậy, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cam kết luôn sẵn sàng áp dụng những thay đổi trong vận hành sản xuất và linh hoạt thích nghi với sự phát triển của từng giai đoạn. Đồng thời, Công ty xác định mục tiêu xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo chuẩn mực cao nhất.
- Để đảm bảo chất lượng đội ngũ cán bộ lao động, Công ty đã triển khai một quá trình đào tạo có hệ thống và xây dựng trên cơ sở kiến thức chuyên môn vững vàng, có tầm nhìn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của công việc, đặt trọng điểm vào bản lĩnh chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh của nhân sự. Ngoài ra, Công ty liên tục hợp tác với các tổ chức Đảng và đoàn thể để chăm sóc toàn diện đời sống của cán bộ công nhân viên, không chỉ tập trung vào khía cạnh nghiệp vụ mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho môi trường làm việc tích cực. Đồng thời, thực hiện chiến lược tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chống tham nhũng tại mọi cấp độ cá nhân trong tổ chức.



### Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Ngoài việc tập trung vào phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang cũng chú trọng đến các chính sách bảo vệ môi trường và giá trị cống hiến cho xã hội. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đều thể hiện sự quan tâm đặc biệt, luôn tuân thủ và thực hiện những hành động cụ thể để giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng.

- Đối với môi trường: Kigimex không chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà còn ưu tiên mục tiêu bảo vệ môi trường. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ và chính xác các chính sách bảo vệ môi trường, đồng thời sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và tiết kiệm. Công ty đã đầu tư vào việc xây dựng hệ thống xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đối với đời sống sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh. Công ty liên tục thực hiện nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiên tiến trong việc bảo vệ môi trường và sử dụng tài nguyên một cách bền vững. Hành động này không chỉ giúp giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực lên môi trường, mà còn đóng góp vào việc xây dựng một tương lai bền vững cho thế hệ tương lai.
- Đối với trách nhiệm với xã hội: Công ty đã triển khai một loạt các hoạt động nhằm hỗ trợ đời sống cộng đồng địa phương. Kigimex đặc biệt chú trọng vào việc tham gia các hoạt động tình nguyện và từ thiện, hỗ trợ những người đang gặp khó khăn. Ngoài ra, Công ty đẩy mạnh việc khuyến khích cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động xã hội và tình nguyện. Sự mệnh này của Công ty được thể hiện thông qua việc xây dựng các chương trình tự nguyện và từ thiện, đồng thời khuyến khích trách nhiệm xã hội của tất cả cá nhân trong tổ chức.



## Các rủi ro

### Rủi ro kinh tế

Các yếu tố quan trọng của kinh tế như lạm phát, tốc độ tăng trưởng, biến động thị trường tài chính và kinh doanh hay chính sách thương mại đều có những tác động đáng kể lên tình hình xuất khẩu gạo của Việt Nam nói chung và Kigimex nói riêng. Năm 2023, nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, những bất ổn về chính trị, ... gây áp lực lên giá cả của nguyên liệu đầu vào. Hậu quả là tình trạng an ninh lương thực tại nhiều quốc gia bị ảnh hưởng, nhu cầu và giá bán của các loại nông sản, lúa gạo trên toàn cầu gia tăng.

Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô gặp nhiều khó khăn, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt nam trong năm 2023 cũng bị ảnh hưởng giảm còn 5,05% so với mức 8,02% vào năm 2022. Tuy nhiên, theo dữ liệu từ Ngân hàng thế giới, tốc độ tăng trưởng này vẫn được xem là tích cực và được xếp vào nhóm tăng trưởng cao trong khu vực và quốc tế. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023, ngành gạo của Việt Nam đã xuất khẩu 8,2 triệu tấn đạt 4,7 tỷ USD tăng 14,7% về số lượng và

35,7% về giá trị so với năm 2022. Theo đó, giá bình quân gạo của Việt Nam trong năm là 580 USD/ tấn, tăng 19% so với mức giá 485 USD/ tấn vào năm 2022. Đặc biệt, nhóm gạo chất lượng cao mà Kigimex xuất khẩu như gạo thơm, gạo đặc sản, Jasmine, ... đều tăng từ 500 -2.800 đồng/kg so cùng kỳ. Nguyên nhân chính của việc gia tăng giá trị cho lượng gạo xuất khẩu xuất phát từ việc ngành lúa gạo Việt Nam đang từng bước gia tăng chất lượng gạo xuất khẩu. Chúng loại gạo xuất khẩu đang dần thay đổi, Việt Nam đang tập trung vào các loại gạo có giá trị cao như gạo thơm, gạo đặc sản, gạo hữu cơ, Japonica và các loại gạo giá trị khác.

Bối cảnh nền kinh tế chung của Thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến Việt nam. Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), suy thoái kinh tế vẫn có thể diễn ra đến hết cuối năm 2024. Do đó, để hạn chế các rủi ro do kinh tế gây ra, Kigimex vẫn luôn hết sức thận trọng, theo dõi và đánh giá thường xuyên tình hình kinh tế và các yếu tố có liên quan. Điều này giúp Công ty nhận biết các tín hiệu cảnh báo sớm và có thể điều chỉnh các chiến lược kinh doanh một cách nhanh chóng và phù hợp.

### Rủi ro pháp luật

Kigimex là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lúa gạo với mô hình là Công ty đại chúng. Do đó, Công ty sẽ chịu sự chi phối chặt chẽ từ nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, ... Ngoài ra, đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh chính của Kigimex là xuất khẩu lúa gạo, Công ty sẽ chịu thêm sự chi phối từ các văn bản luật khác có liên quan đến việc mua bán và xuất khẩu gạo như Luật Quản lý ngoại thương, Luật Xuất khẩu nông sản,... Hệ thống pháp luật của Việt Nam đang từng bước được hoàn thiện và phát triển, dẫn đến nhiều thay đổi diễn ra. Trong trường hợp Kigimex không kịp thời cập nhật, rủi ro này có thể diễn ra ảnh hưởng đến uy tín và lợi nhuận của công ty.

Để hạn chế các rủi ro này, với mỗi văn bản pháp luật, Kigimex luôn cam kết việc cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của mình nhằm đáp ứng nhu cầu kịp thời các yêu cầu của Chính phủ và các cơ quan quản lý. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động của mình để tránh những rủi ro không đáng có về pháp lý.



## Các rủi ro (tt)

### Rủi ro tỷ giá

Hoạt động kinh doanh của Kigimex tập trung vào mảng xuất khẩu lương thực đến các thị trường Đông Nam Á và Châu Phi, do đó tỷ giá sẽ là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Năm 2023, tỷ giá VND đã phải đối mặt với áp lực lớn từ việc đồng USD tăng giá trên thị trường quốc tế, chênh lệch lãi suất giữa USD và VND trên thị trường liên ngân hàng, và với sự chênh lệch lãi suất huy động USD trong nước và nước ngoài. Mặc dù vậy, theo số liệu được thống kê trong năm, mức giảm giá của VND so với USD trong năm được duy trì ở ngưỡng hợp lý khoảng 3%. Đến cuối năm 2023, tỷ giá này tiếp tục bật tăng quay về mức cao nhất trong năm. Việc tỷ giá của USD tăng so với VND đã đem lại thuận lợi cho các hoạt động xuất khẩu bao gồm hoạt động xuất khẩu gạo của Kigimex, khi nó trực tiếp gia tăng doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

Tỷ giá là yếu tố khó ổn định, dễ biến động và dễ bị ảnh hưởng bởi các chính sách tiền tệ, thương mại. Do đó, yếu tố tỷ giá mang rủi ro ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Hiểu được những điều này, Kigimex luôn cẩn trọng với những biến động của tỷ giá bằng cách theo dõi, phân tích và ước tính các rủi ro mà tỷ giá mang lại để lập kế hoạch và điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Từ đó, tối thiểu được các rủi ro mà tỷ giá mang đến cho Công ty.

### Rủi ro lãi suất

Hoạt động kinh doanh chính của Kigimex là thương mại lúa gạo, với giá vốn bán hàng nằm ở mức cao yêu cầu Công ty có sự thâm dụng vốn mạnh. Theo đó, sự thâm dụng vốn này yêu cầu Kigimex sử dụng đòn bẩy tài chính, gây ra rủi ro về lãi suất cho Công ty. Theo đó, trong năm tình hình lãi suất tại các ngân hàng Việt Nam vẫn còn neo ở mức cao, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của lạm phát, các quốc gia lớn như Mỹ, Trung Quốc vẫn còn thắt chặt chính sách tiền tệ. Việc lãi suất neo cao đã ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong ngành lúa gạo, làm tăng chi phí lãi vay.

Đối với Kigimex, hiểu được bối cảnh lãi suất gây ra cho ngành cũng như đến Công ty, nên trong năm, Kigimex đã tiến hành nhiều cải cách trong việc sử dụng nguồn vốn, hạn chế đối đa các khoản thuê tài chính. Theo đó, các khoản thuê tài chính ngắn hạn chiếm phần lớn trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty vào năm 2022 đã được giảm đáng kể vào năm 2023.



### Rủi ro giá nguyên liệu

Giá vốn hàng bán là khoản chi phí lớn nhất trong hoạt động kinh doanh của Kigimex, cụ thể là chi phí trong việc thu mua nguyên liệu, các loại hàng hoá kinh doanh của Công ty. Chi phí này chiếm hơn 90% doanh thu của Công ty, có ảnh hưởng mạnh mẽ lên biên lợi nhuận của Kigimex. Việc chi phí nguyên liệu và các loại hàng hoá kinh doanh ảnh hưởng mạnh mẽ lên biên lợi nhuận của Kigimex đã gây ra rủi ro về giá nguyên liệu cho Công ty. Trong 2023, do ảnh hưởng của các bất ổn vĩ mô khiến chi phí nguyên liệu và giá lương thực trên thế tăng cao. Giá cả thu mua lúa gạo tại ruộng của Việt Nam cũng gia tăng, cụ thể giá thu mua lúa gạo chất lượng cao tại ruộng tăng từ 1.000 - 1.500 đồng/kg so với năm 2022. Điều này đã gây ra nhiều áp lực lên chi phí thu mua lúa gạo của các doanh nghiệp lúa gạo tại Việt Nam.

Nhận biết được rủi ro này, Kigimex đã luôn chủ động theo dõi thị trường lúa gạo của Việt Nam, tinh giảm chi phí hoạt động, quản lý tài chính chặt chẽ hơn để giảm tổn thất và tác động của biến động giá nguyên liệu. Bên cạnh đó, Công ty cũng ký kết các hợp đồng dài hạn với đối tác để đảm bảo ổn định giá nguyên liệu trong tương lai. Theo đó, trong năm 2023 Kigimex đã đảm bảo được các hệ số sinh lời của mình được giữ ổn định, thậm chí còn tăng mạnh.

## Các rủi ro (tt)

### Rủi ro cạnh tranh

Hoạt động kinh doanh chính của Kigimex là xuất khẩu gạo đến các thị trường quốc tế. Do đó Công ty sẽ không chỉ đối mặt với sự cạnh tranh của các Công ty trong nước mà còn có các Công ty đến từ các quốc gia khác như Thái Lan, Ấn Độ, Campuchia,... Đa dạng các đối thủ cạnh tranh đến từ nhiều quốc gia khiến cho áp lực cạnh tranh mà Kigimex phải chịu gia tăng.

Để hạn chế rủi ro này, Kigimex đã luôn quan tâm và nghiên cứu về nhu cầu và xu hướng của khách hàng, không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ để phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của khách hàng. Bên cạnh đó, với những nỗ lực không ngừng đổi mới và cải thiện quy trình hoạt động để tiết giảm chi phí, đem những sản phẩm Việt Nam chất lượng nhất với giá thành hợp lý nhất đến với thị trường quốc tế. Kigimex đã xây dựng được cho mình một thương hiệu uy tín và đáng tin cậy trong lòng khách hàng và các đối tác trên thị trường quốc tế, từ đó hạn chế được các rủi ro cạnh tranh.



### Rủi ro khí hậu

Biến đổi khí hậu có thể làm tăng nguy cơ xảy ra các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, mưa lớn, bão, lũ lụt và cả sự thay đổi đột ngột của môi trường, gây thiệt hại cho các vụ mùa lúa gạo. Trong năm 2023, Biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng thường xuyên, El Nino đã gây ra nhiều thiệt hại cho nền nông nghiệp chung của thế giới. Tại Việt Nam, việc sản xuất lúa gạo của nông dân cũng gặp nhiều khó khăn do thời tiết, dịch bệnh và hạn mặn. Mặc dù gặp nhiều khó khăn do khí hậu gây ra, nhưng nông dân các địa phương với trình độ thâm canh cao đã sản xuất đúng lịch thời vụ, sử dụng giống chất lượng và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đã góp phần gia tăng năng suất và sản lượng lúa, giảm nhẹ thiệt hại do dịch bệnh, ảnh hưởng mưa, lũ gây ra và né tránh hạn mặn. Theo Cục Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), năm 2023 cả nước gieo cấy khoảng 7,11 triệu ha lúa, tăng gần 10.000 ha so với năm 2022; năng suất trung bình 61 tạ/ha, tăng khoảng 1 tạ/ha, sản lượng hơn 43 triệu tấn thóc, tăng khoảng 800.000 tấn. Đứng trước các thuận lợi từ các kết quả thành công của nền nông nghiệp lúa nước của Việt Nam, Kigimex đã có thể đảm bảo được nguồn cung cho hoạt động kinh doanh của mình, tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh và tạo lợi nhuận trong năm.

Kigimex luôn thực hiện việc theo sát các dự báo về khí hậu, phân tích và dự đoán sản lượng nông sản trong năm và tương lai để kịp thời đưa ra kế hoạch thu mua phù hợp, hạn chế rủi ro mà khí hậu mang lại. Bên cạnh đó, việc chung tay cùng bảo vệ môi trường để chống lại biến đổi khí hậu cũng là một trong những biện pháp rất được Kigimex chú trọng. Kigimex cam kết thực hiện đầy đủ và chính xác các chính sách bảo vệ môi trường, đồng thời sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý và tiết kiệm.



### Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro đã đề cập trên, hoạt động kinh doanh của Kigimex cũng đối mặt với các rủi ro khách quan khác mà Công ty khó có thể kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ,... Các rủi ro này mặc dù hiếm gặp nhưng một khi xảy ra sẽ gây ra những thiệt hại đáng kể cho tài sản và hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, bảo trì và đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy và chữa cháy, cập nhật thông tin về thời tiết cũng như thực hiện mua đầy đủ bảo hiểm cần thiết trong năm.





## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

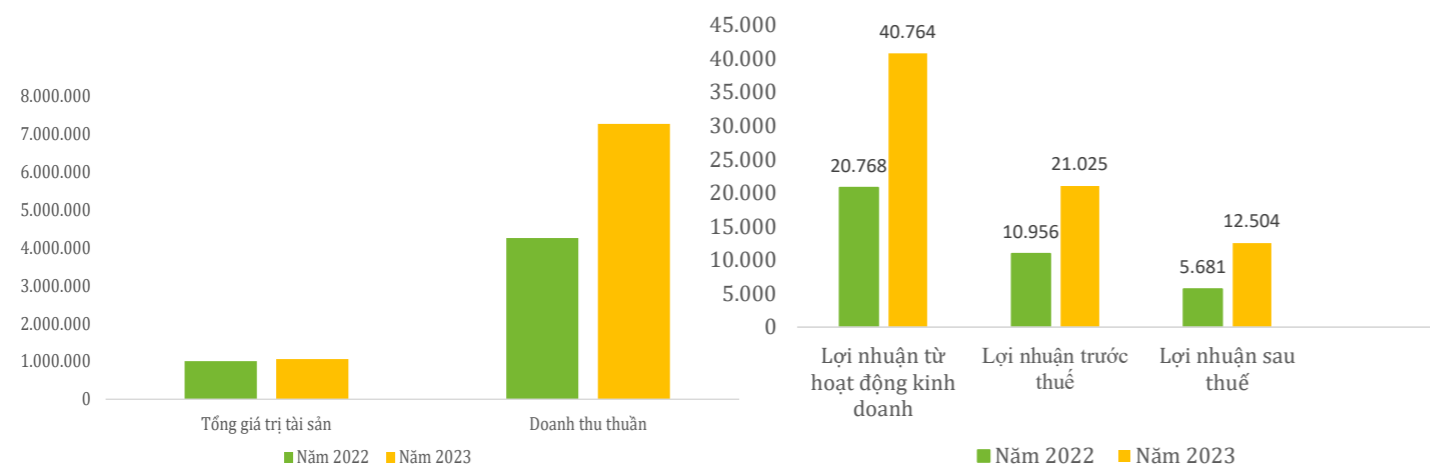
- **Tình hình hoạt động kinh doanh**
- **Tổ chức và nhân sự**
- **Tình hình đầu tư, thực hiện dự án**
- **Tình hình tài chính**
- **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ sở hữu**
- **Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng**

# Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

## Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.008.234	1.057.190	104,86%
2	Doanh thu thuần	4.257.881	7.267.852	170,69%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.768	40.764	196,28%
4	Lợi nhuận trước thuế	10.956	21.025	191,90%
5	Lợi nhuận sau thuế	5.681	12.504	220,10%



Trong năm 2023, ngành lúa gạo Việt Nam đã ghi nhận nhiều kỷ lục về sản lượng và giá bán, tạo ra nhiều thuận lợi và cơ hội cho các doanh nghiệp trong ngành. Về phía Kigimex, tình hình kinh doanh của Công ty cũng ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 7.267.852 triệu đồng và 12.504 triệu đồng, tăng trưởng 70,69% và 120,10% tương đương tăng 3.009.971 triệu đồng và 6.823 triệu đồng so với năm 2022. Nguyên nhân của những diễn biến tích cực này không thể không kể đến những đường lối, chính sách kinh doanh hiệu quả của

Kigimex, Công ty đã tận dụng những cơ hội và thuận lợi từ vĩ mô, đẩy mạnh xuất khẩu lúa gạo và vận dụng tốt các mối quan hệ với đối tác kinh doanh. Nhờ đó, Công ty tranh thủ được nguồn cung hàng hóa, xuất khẩu ngành lương thực tương đương 443.674 tấn, vượt mức kế hoạch và cùng kỳ. Công ty đã thành công ký kết được đơn hàng xuất khẩu gạo sang thị trường Indonesia (Bulog) với đơn hàng gạo 5% tấm chiếm gần 40% tổng lượng gạo xuất khẩu của Công ty. Đây là thị trường gạo mới mà công ty đã phát triển được trong năm 2023.

## Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2023/ Thực hiện năm 2023
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>				
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	250.000	529.844	219,94%
2	Cá cơm tươi	Tấn	1.120	1.118	99,82%
3	Xăng dầu	1.000 lít	20.000	16,70	83,50%
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>				
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	250.000	517.203	206,88%
-	Xuất khẩu	Tấn	230.000	443.674	192,90%
-	Nội địa	Tấn	20.000	73.529	367,65%
2	Cá cơm tươi	Tấn	280	251	89,64%
3	Xăng dầu	1.000 lít	20.000	16,65	83,25%
<b>III</b>	<b>Kim ngạch</b>				
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	121	255	209,02%
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD		17,09	
IV	Doanh thu	Tỷ đồng	3.562	7.268	204,04%
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,00	21,03	191,14%
<b>VI</b>	<b>Nộp NSNN</b>	Theo đúng quy định nhà nước			

Lúa, gạo quy gạo là nhóm sản phẩm đem lại nguồn doanh thu chính cho Kigimex và được Công ty tập trung phát triển trong nhiều năm qua. Nhận biết được những cơ hội mà ngành lúa gạo Việt Nam đang đón nhận do các quốc gia trên thế giới đang tăng cường an ninh lương thực trước những bất ổn trong kinh tế và chính trị. Ngay lập tức, Kigimex đã tập trung, đẩy mạnh hơn nữa vào việc kinh doanh và phát triển loại nông sản này để tận dụng tốt các cơ hội. Kigimex đã đẩy mạnh việc thu mua và bán ra Lúa, gạo quy gạo, khiến cho sản lượng loại sản phẩm này đạt 529.844 tấn, bán ra là 517.203 tấn cao hơn kế hoạch đã đề ra là 111,94% và 106,88%. Trong đó, sản lượng xuất khẩu ngành lương thực tương đương 443.674 tấn, vượt mức kế hoạch và cùng kỳ, gạo 5% tấm xuất sang thị trường Indonesia (Bulog) chiếm gần 40%. Đây là sự đột biến sản lượng nhập khẩu gạo của thị trường này và không phải là thị trường truyền thống và có nhu cầu mua gạo của Công ty hàng năm. Bên cạnh sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận từ nhóm lúa, gạo quy gạo tạo ra, doanh thu và lợi nhuận cả năm của Kigimex cũng được ghi nhận ở mức 7.268 tỷ đồng và 21,03 tỷ đồng, cao hơn kế hoạch đề ra lần lượt là 104,04% và 91,14%.



# Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành: Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
2	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0,00%	2.542.888	10,00%
3	Bà Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	4.500	0,02%	0	0,00%

## Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Thành viên HĐQT kiêm TGD

**Ngày sinh:** 27/02/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toán

**Quá trình công tác:**

- 07/1999 - 04/2001: Nhân viên Công ty Chế biến Thực phẩm xuất khẩu Kiên Giang.
- 05/2001 - 05/2005: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2005 - 03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2009 - 05/2010: Phó phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2010 - 03/2015: Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2015 - 06/2016: Trưởng phòng phòng Tài chính Kế toán, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 - 09/2016: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2016 - 05/2018: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/05/2018 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc, người công bố thông tin Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 6.028.972 cổ phần, chiếm 23,71% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 101.500 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 5.927.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không.

## Ông Phạm Minh Trung – Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

**Ngày sinh:** 19/02/1981

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- 11/1999 - 12/2006: Nhân viên Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2007 - 11/2008: Quyền Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Kiên Long, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 12/2008 - 03/2009: Phó phòng phòng Kế hoạch Kinh doanh – Kỹ thuật Đầu tư, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2009 - 12/2015: Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng, thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2016 - 06/2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng .
- 07/2016 – 04/2019: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2019 - 04/2021: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2021 đến nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Quách Thúy Hằng	Vợ	5.900	0,023%
2	Phạm Minh Tùng	Anh ruột	11.500	0,045%





## Tổ chức và nhân sự (tt)

### Bà Trần Thị Điệp – Kế toán trưởng

**Ngày sinh:** 28/02/1975

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính Kế toán

**Quá trình công tác:**

- 08/1999 - 01/2001: Công tác tại Đội tham mưu tổng hợp Công an thị xã Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
- 01/2001 - 09/2003: Nhân viên kế toán Nhà máy Chế biến Lương thực Xuất khẩu 1A trực thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2003 - 01/2008: Nhân viên kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2008 - 04/2009: Nhân viên kế toán Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2009 - 04/2011: Tổ trưởng Tổ kế toán Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2011 - 12/2015: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2016 - 09/2016: Phó trưởng Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2016 - 10/2019: Phó trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 10/2019 - 01/2022: Phụ trách kế toán Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 02/2022 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Kế toán trưởng.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Sở hữu cá nhân: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 0 cổ phần.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không.

**Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2023:** Không có.

**Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Tính chất phân loại	Số lượng ( Người )	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	254	100%
1	Trên đại học	02	0,79%
2	Đại học	85	33,46%
3	Cao đẳng	15	5,91%
4	Trung cấp	49	19,29%
5	Công nhân kỹ thuật	44	17,32%
6	Lao động phổ thông	59	23,23%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	254	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	221	87,01%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	33	12,99%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	254	100,00%
1	Nam	194	76,38%
2	Nữ	60	23,62%

Chỉ tiêu	Năm 2020	Nam 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	280	284	264	254
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.867.000	7.923.000	7.680.000	11.190.000

## Tổ chức và nhân sự (tt)



### Chính sách nhân sự

#### Về chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty đánh giá cao vai trò quan trọng của môi trường làm việc đối với tâm lý và hiệu suất làm việc của nhân viên. Công ty tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng và thân thiện, nơi mà mọi người lao động đều cảm thấy họ là một phần quan trọng của Công ty. Công ty đề cao văn hóa bình đẳng, tạo ra sự thoải mái và thân thiết, khuyến khích sự tự do làm việc để nâng cao năng suất làm việc. Không chỉ chú trọng đến phía vật chất, Công ty còn quan tâm sâu sắc đến sức khỏe và tinh thần của nhân viên. Để bảo vệ sức khỏe, Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ và cung cấp hỗ trợ tài chính khi nhân viên đối mặt với tình trạng ốm đau hoặc thời kỳ nghỉ thai sản. Ngoài ra, Công ty tổ chức các hoạt động văn nghệ, giao lưu và du lịch hàng năm để giúp nhân viên giải trí, giảm áp lực và tăng cường sự hài lòng trong công việc.

#### Về chính sách tuyển dụng

Công ty luôn đặt sự quan tâm đặc biệt vào chất lượng nhân sự, do đó mọi quá trình tuyển chọn đầu vào diễn ra một cách khắt khe và tuân thủ các tiêu chuẩn được công bố rộng rãi trên các phương tiện truyền thông. Tiêu chí tuyển dụng được đặt ra phụ thuộc vào từng vị trí, với các vị trí cấp cao yêu cầu ứng viên có năng lực, kiến thức chuyên môn và kỹ năng xuất sắc. Người lao động tham gia ứng tuyển phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra. Ngoài các tiêu chí chuyên môn thì thái độ và tinh thần làm việc cũng được xem xét làm yếu tố quan trọng. Công ty ưu tiên lựa chọn những ứng viên thể hiện được sự tích cực và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty. Đối với Công ty, sự xuất sắc của nguồn nhân sự đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển hoạt động kinh doanh. Do đó, việc tuyển chọn được ưu tiên đối với những cá nhân có năng lực xuất sắc và khả năng đáp ứng nhu cầu nhân sự của Công ty. Trong quá trình tuyển chọn, Công ty cam kết thực hiện một cách minh bạch, đảm bảo không bỏ qua bất kỳ ứng viên nào có năng lực đáng chú ý.

#### Chính sách đào tạo

Hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng phát triển và mở rộng, đòi hỏi chất lượng nhân sự phải đáp ứng các công việc hiệu quả. Do đó, sau khi được tuyển dụng, nhân viên Công ty sẽ tham gia đào tạo theo kế hoạch hàng năm, phù hợp với từng vị trí và năng lực cá nhân. Các buổi đào tạo không chỉ giúp nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng, mà còn giúp nhân viên hiểu rõ về văn hóa và cách làm việc của Công ty. Đồng thời, Công ty thường tổ chức các khóa hội thảo nội bộ để chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm giữa các đơn vị, mang lại hiệu quả thiết thực và tiết kiệm chi phí.

#### Về môi trường công việc

Để thu hút và giữ chân nhân tài, cũng như đối với những nhân viên giàu kinh nghiệm, Công ty liên tục xây dựng những chính sách lương, thưởng, và các chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Nhân viên của Công ty được đảm bảo nhận đầy đủ lương đúng thời hạn, tránh mọi tình trạng trả lương chậm, thiếu sót. Đối với những nhân viên có đóng góp xuất sắc trong hoạt động kinh doanh, Công ty đánh giá và thưởng cho họ một cách xứng đáng. Chính sách khen thưởng được áp dụng dựa trên kết quả làm việc, luôn đảm bảo tính công bằng trong quá trình đánh giá. Điều này không chỉ thúc đẩy động lực làm việc mà còn giúp nhân viên làm công việc của mình một cách hiệu quả và tích cực hơn.



## Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Kết quả triển khai và thực hiện dự án trong năm 2023: Công ty đã triển khai thực hiện 04/11 hạng mục, với tổng giá trị thực hiện là 3,054 tỷ đồng đạt 28,25% kế hoạch năm 2023. Trong đó: vốn vay trung hạn 2,109 tỷ đồng, vốn công ty là 0,945 tỷ đồng. Nguyên nhân đầu tư không đạt kế hoạch do: (1) Do tác động bởi chính sách IUU, cơ quan quản lý siết chặt việc khai thác hải sản gần bờ; (2) Thay đổi chính sách điều hành về lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, cạnh tranh mức chiết khấu đầu ra ngày càng gay gắt hơn; (3) Công ty rà soát lại những hạng mục cấp bách để triển khai đầu tư phù hợp theo từng thời kỳ nhằm tiết kiệm chi phí và hiệu quả đầu tư.

Bên cạnh đó, dự án Sửa chữa, nâng cấp thiết bị được thông qua theo Nghị quyết số 59/NQ-XNK-HĐQT ngày 25/4/2023 là 7,9 tỷ đồng cũng được Công ty hoàn thành.

**Các công ty con, công ty liên kết:** Hiện công ty chưa có công ty con hay công ty liên kết.



## Tình hình tài chính

### Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	1.008.234	1.057.190	104,86%
2	Doanh thu thuần	4.257.881	7.267.852	170,69%
3	Giá vốn hàng bán	3.794.191	6.585.984	173,58%
4	Chi phí tài chính	67.307	107.872	160,27%
5	Chi phí bán hàng	376.150	528.094	140,39%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	34.438	65.463	190,09%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	34.973	60.325	172,49%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.769	40.764	196,27%
9	Lợi nhuận khác	(9.812)	(19.739)	(201,17%)
10	Lợi nhuận trước thuế	10.956	21.025	191,90%
11	Lợi nhuận sau thuế	5.681	12.504	220,10%

Nhìn chung trong năm 2023, tình hình tài chính của Kigimex có những sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu thuần trong năm của Kigimex đạt 7.267.852 triệu đồng tăng trưởng 70,69%, tương đương tăng 3.009.971 triệu đồng so với năm 2022. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt đạt 21.025 triệu đồng và 12.504 triệu đồng tăng 91,90% và 120,10%, tương đương tăng 10.069 triệu đồng và 6.823 triệu đồng so với năm 2022. Nguyên nhân của sự tăng trưởng đáng kể về doanh thu và lợi nhuận này là do trong năm Công ty có bước tiến mới tại thị trường Indonesia (Bulog), một thị

trường không phải là thị trường truyền thống và có nhu cầu mua gạo của Công ty hàng năm, thị trường này đã chiếm gần 40% sản lượng xuất khẩu của Công ty trong năm 2023. Các khoản chi phí trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu tập chung ở Giá vốn hàng bán với tỷ trọng hơn 90%, trong năm đạt 6.585.984 triệu đồng tương đương tăng 73,58%. Nguyên nhân là do Công ty đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, khiến cho khối lượng hàng hóa được thu mua gia tăng gây ra các khoản tăng trong chi phí.



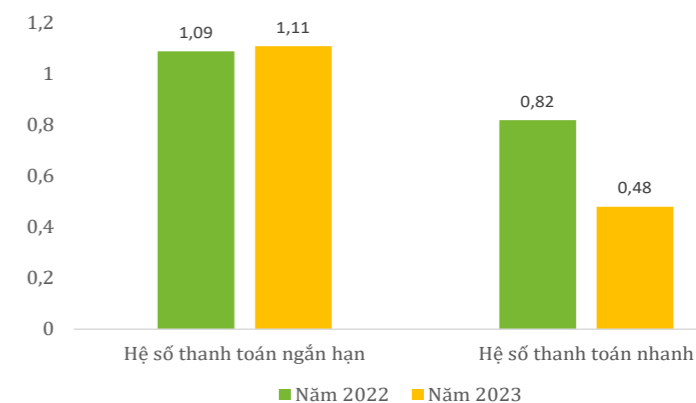
## Các chỉ tiêu tình hình tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,82	0,48
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	73,81	74,36
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	281,88	290,03
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	15,72	19,18
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	4,42	7,04
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,13	0,17
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	2,12	4,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,59	1,21
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,49	0,56



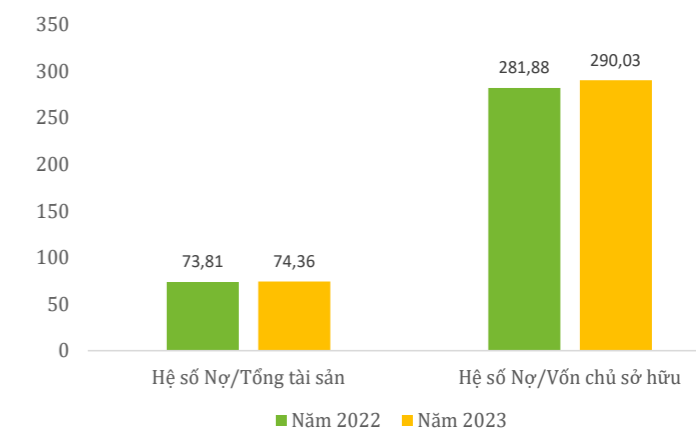
## Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trong năm 2023, Hệ số thanh toán ngắn hạn của Kigimex tăng nhẹ từ 1,09 lần lên 1,11 lần, và Hệ số thanh toán nhanh của Công ty lại giảm từ 0,82 lần xuống còn 0,48 lần. Nguyên nhân của việc này là do tài sản ngắn hạn của Công ty có sự gia tăng 7,52% so với năm 2022 đạt 805.018 triệu đồng. Công ty đang tập trung dòng tiền vào Hàng tồn kho, dùng tiền mặt để mua hàng tồn kho, từ đó dẫn đến việc Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhưng Hệ số thanh toán nhanh lại giảm. Trong năm 2023, nhu cầu về lương thực, lúa gạo ở nhiều quốc gia trên thế giới tăng do các bất ổn trong kinh tế và chính trị, việc Kigimex gia tăng Hàng tồn kho trong năm sẽ giúp Công ty có đủ nguồn cung để mở rộng hoạt động kinh doanh, đáp ứng các đơn hàng xuất khẩu đã được ký kết trong năm. Bên cạnh đó, việc Kigimex gia tăng hàng tồn kho trong năm 2023 cũng giúp Công ty hạn chế được rủi ro giá nguồn cung tăng trong năm 2024, khi những bất ổn trong vĩ mô vẫn còn tiếp diễn khiến tỷ lệ gia tăng giá nguyên liệu và giá gạo là rất cao.

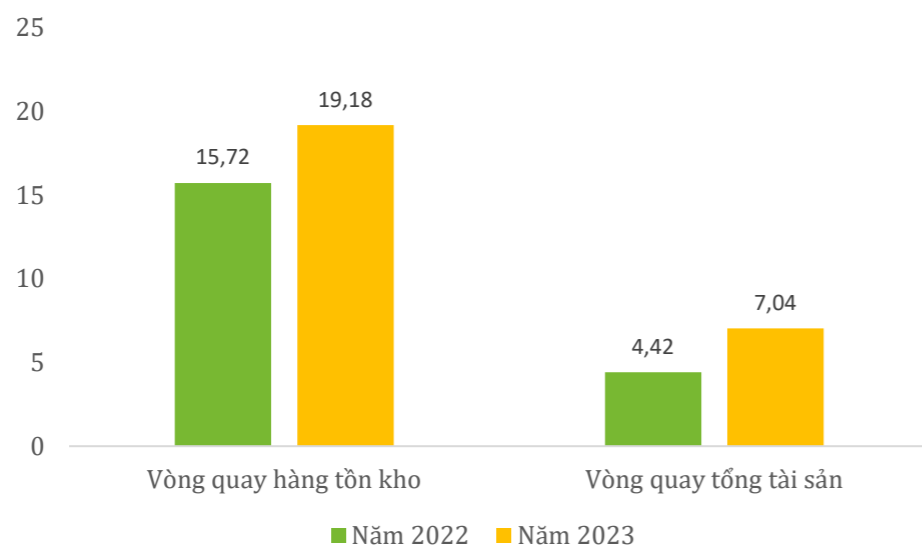


## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Về chỉ tiêu Cơ cấu vốn, các hệ số Nợ/Tổng tài sản và Nợ/Vốn chủ sở hữu của Kigimex có sự tăng nhẹ trong năm từ 73,81% và 281,88% lên 74,36% và 290,03%. Nguyên nhân là trong năm, Công ty đã có sự gia tăng trong khoản nợ phải trả, cụ thể là khoản phải trả cho người bán. Khoản thuê tài chính ngắn hạn, nơi công ty phải trả phí tài chính thì giảm mạnh gần 38%. Cụ thể, Công ty đã giảm 87,79% nợ phải trả tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Kiên Giang và 91,94% nợ phải trả tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – CN Sài Gòn, từ đó, giúp Kigimex giảm được rủi ro lãi suất trong năm.



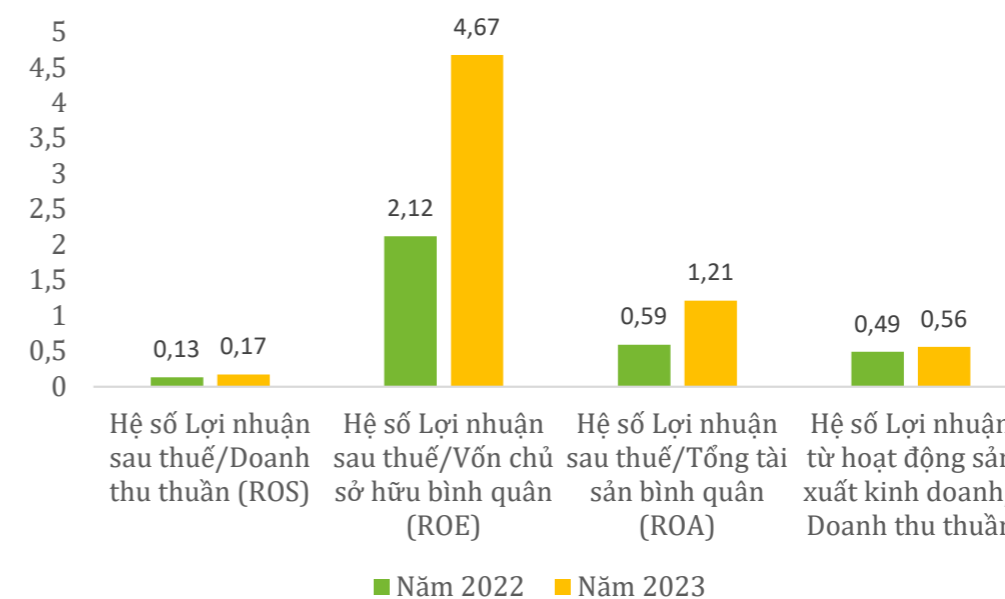
## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Trong năm vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản của Kigimex đã ghi nhận nhiều diễn biến tích cực. Cụ thể vòng quay hàng tồn kho năm 2023 là 19,18 vòng tăng 3,46 vòng so với năm 2022, và vòng quay tổng tài sản là 7,04 vòng tăng 2,62 vòng. Sự gia tăng của vòng quay hàng

tồn kho và tổng tài sản xuất phát từ sự gia tăng doanh thu và lượng hàng hóa bán ra của Kigimex. Do đó, kết quả này đã cho thấy được Kigimex đã ngày càng hiệu quả trong việc điều hành và phát triển Công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực kinh doanh.

## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời như ROS, ROE và ROA của Kigimex đều gia tăng, trong đó chỉ số ROE đạt 4,67% tăng 2,5%, ROA đạt 1,21% tăng 0,62%, ROS đạt 0,17% tăng 0,04%. Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng này xuất phát từ sự gia tăng trong khoản lợi nhuận sau thuế của Công ty. Một lần nữa chứng minh được việc Kigimex đang ngày càng sử dụng hiệu

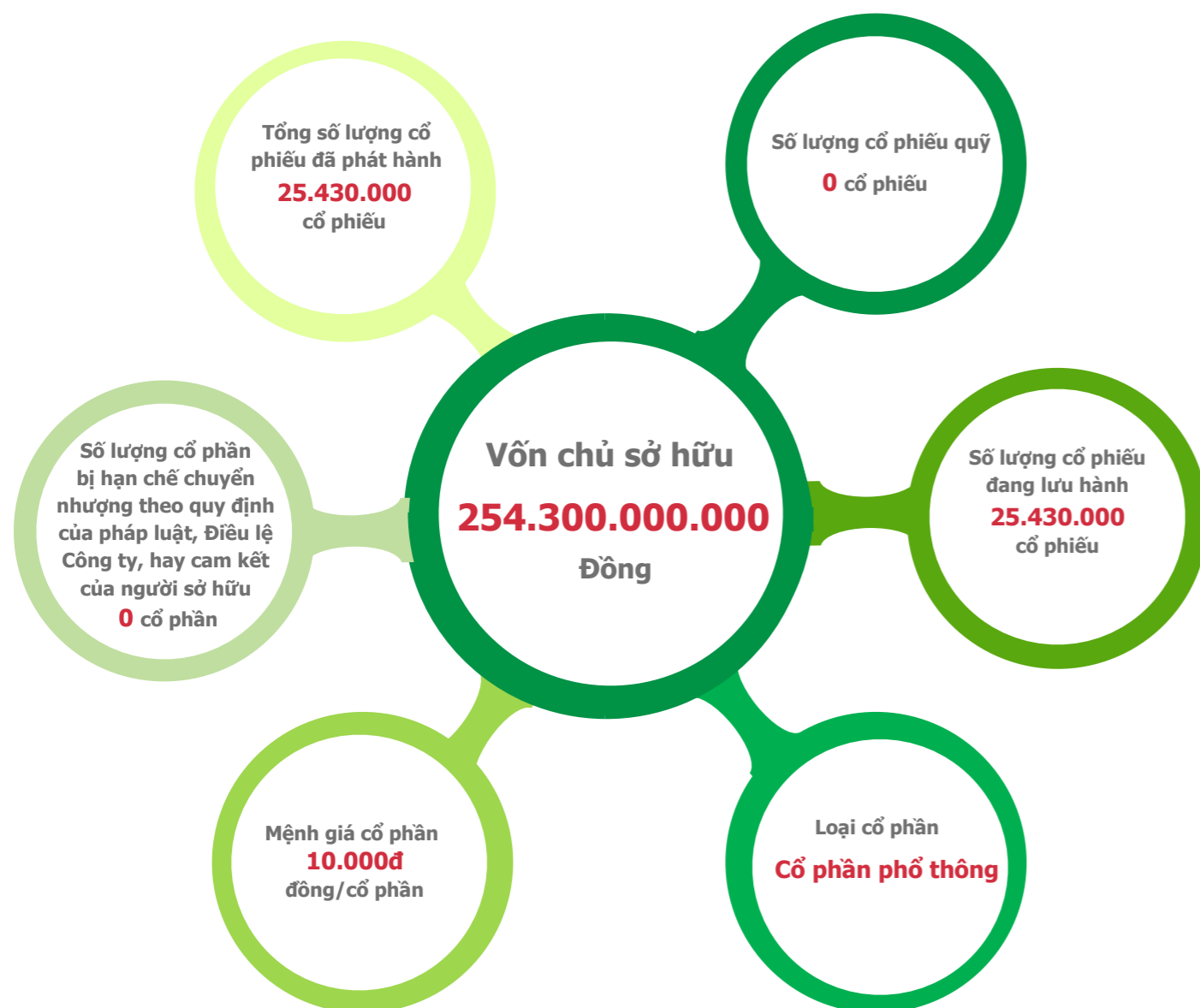
quả hơn nguồn vốn kinh doanh. Tuy nhiên, hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh và Doanh thu thuần của Công ty lại có sự giảm nhẹ trong năm, nguyên nhân là do sự gia tăng của giá vốn hàng bán, khi giá thu mua các loại nông sản lúa gạo trong năm 2023 có sự gia tăng mạnh.

### Đánh giá

Nhìn chung, các chỉ tiêu tài chính của Kigimex đều thể hiện rằng hoạt động kinh doanh của Kigimex đang có nhiều diễn biến tích cực, và các chính sách kinh doanh hiện tại của Công ty là đúng đắn và có hiệu quả. Tuy nhiên, để phát huy hơn nữa trong năm tiếp theo, Công ty vẫn sẽ cần tiếp tục theo dõi, quan sát, và phân tích cẩn thận bối cảnh kinh doanh để nhanh chóng thích nghi và tận dụng tốt các cơ hội kinh doanh.

## Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của CSH

### Thông tin cổ phiếu



Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** không có

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**Các chứng khoán khác:** không có

### Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày: 31/12/2023

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	21.184.800	211.848	83,31%
II	Cổ đông trong nước	25.429.700	254.297	99,999%
1	Cá nhân	4.240.100	42.401	16,67%
2	Tổ chức	21.189.600	211.896	83,33%
III	Cổ đông nước ngoài	300	3	0,001%
1	Cá nhân	300	3	0,001%
2	Tổ chức	-	-	-
<b>Tổng Cộng (II+III)</b>		<b>25.430.000</b>	<b>254.300</b>	<b>100,00%</b>



# Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng

## Tác động lên môi trường

Phát thải khí nhà kính (GHG), là loại khí trong khí quyển gây hiệu ứng nhà kính (theo khoản 29 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14), bao gồm các loại khí như CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>, N<sub>2</sub>O, .... Trong năm 2023, các chủ đề về GHG là một chủ đề được thảo luận vô cùng sôi nổi, đặc biệt là COP 28 diễn ra từ ngày 30/11 đến 12/12/2023, để thảo luận và đưa ra các cam kết giữa các quốc gia trong việc chống lại biến đổi khí hậu. Trong đó, thuế Carbon sẽ là một trong những công cụ quan trọng giúp giảm khí thải nhà kính, và công cụ này đang dần được áp dụng cho các loại hàng hoá nhập khẩu tại nhiều quốc gia, đặc biệt là Châu Âu. Tại Việt Nam, ngày 30/8 tại Hà Nội, Cục Biến đổi khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường) và Chương trình đối tác chuyển dịch năng lượng Đông Nam Á đã tổ chức Hội thảo để tham vấn Đề xuất thuế carbon nhằm giảm nhẹ tác động ảnh hưởng do Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU đặt ra đối với hàng hóa của Việt Nam.

Sản phẩm chủ lực của Kigimex là gạo, loại cây trồng đóng góp lượng lớn vào phần khí thải N<sub>2</sub>O do con người tạo ra. Vi khuẩn trong đất và nước chuyển đổi N<sub>2</sub> (Đạm) thành N<sub>2</sub>O một cách tự nhiên, nhưng việc sử dụng phân bón để gia tăng năng suất cho cây lúa và quá trình phân hủy phân bón sẽ làm tăng thêm quá trình này do đưa nhiều N<sub>2</sub> vào môi trường hơn. Do đó, để làm giảm lượng khí thải này trong quá trình tạo ra hạt gạo và bảo vệ môi trường đất. Kigimex đã luôn khuyến khích người nông dân sử dụng hợp lý lượng phân bón trong quá trình chăm sóc cây, tránh tình trạng bón phân dư thừa gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó, Kigimex cũng luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường của toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty, khuyến khích người lao động tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường. Đồng thời, Công ty cũng cam kết thực hiện và tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các hành vi gây tiêu cực đến môi trường.

## Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong năm 2023, Kigimex đã sử dụng 529.844 tấn lúa gạo quy gạo, 1.118 tấn cá cơm tươi và 16,71 triệu lít xăng. Nguồn nguyên liệu có vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động kinh doanh và mở rộng của Kigimex, do đó, Công ty đã xây dựng cho mình một kế hoạch quản lý nguồn nguyên liệu hiệu quả và linh hoạt với các đối tác uy tín, đáng tin cậy. Từ đó, Công ty có thể giảm thiểu được việc mua trúng nguồn hàng kém chất lượng hay bị gián đoạn nguồn cung. Ngoài ra, Công ty cũng thiết lập những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.



## Tiêu thụ năng lượng

Điện năng cung cấp năng lượng cho các thiết bị và hệ thống trong Công ty đảm bảo các hoạt động sản xuất và vận hành diễn ra suôn sẻ và hiệu quả. Do đó, điện năng có mặt ở hầu hết các hoạt động của Công ty khiến cho lượng tiêu thụ và chi phí chi trả cho điện năng là không nhỏ. Trong năm 2023, tổng lượng điện năng mà Kigimex sử dụng có giá trị là 13.022 triệu đồng. Bên cạnh điện năng thì xăng dầu cũng là một loại năng lượng được sử dụng rất nhiều trong hoạt động vận chuyển hàng hoá của Kigimex. Theo ghi nhận, trong năm 2023, Kigimex đã tiêu tốn 832 triệu đồng cho xăng dầu.

Nhận biết được tầm quan trọng của các nguồn năng lượng này lên hoạt động kinh doanh và chi phí hoạt động của mình, Kigimex luôn chủ trương đưa ra các chính sách quản lý nguồn năng lượng một cách hiệu quả và tiết kiệm. Thông qua các công tác tuyên truyền, nhắc nhở, nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng của người lao động, Công ty đã giúp nguồn năng lượng được sử dụng một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, Kigimex sẽ định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc và tiến hành bảo trì đúng kỳ hạn. Đối với các thiết bị đã cũ, Công ty sẽ tìm giải pháp thay thế bằng các thiết bị mới tiết kiệm nhiên liệu, tránh tình trạng thất thoát điện năng.

## Tiêu thụ nước

Kigimex có nguồn cung cấp nước chính từ hệ thống đường ống dẫn nước của địa phương, bao gồm các hồ chứa và nhà máy xử lý nước. Nước được cung cấp đến Công ty để sử dụng chủ yếu cho hoạt động vận chuyển và lưu kho gạo. Tổng lượng nước sử dụng năm 2023 của Công ty có giá trị là 55 triệu đồng. Để sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên nước, tránh lãng phí và bảo vệ môi trường, Công ty luôn thực hiện công tác kiểm tra hệ thống nước, khoá kỹ các van nước để khắc phục các sự cố rò rỉ gây lãng phí. Bên cạnh đó, Kigimex cũng thường xuyên tuyên truyền về ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước đến toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm 2023, Kigimex vẫn tiếp tục là một Công ty có trách nhiệm, luôn tuân thủ các tiêu chuẩn pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong quá trình hoạt động, từ khi thành lập đến nay, Kigimex chưa từng bị xử phạt về hành vi không tuân thủ các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường. Việc tuân thủ các tiêu chuẩn của pháp luật về bảo vệ môi trường đề ra đã giúp Công ty hạn chế được các rủi ro về pháp lý, tránh các khoản phạt và còn làm gia tăng uy tín, sự đón nhận của khách hàng lên các sản phẩm của Kigimex.

# Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng (tt)

## Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	280	284	264	254
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.867.000	7.923.000	7.680.000	11.190.000

Sau khi sắp xếp lại lao động, tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2023 là 254 người, giảm 10 người so với năm 2022. Mức lương trung bình của một người lao động trong một tháng tại Công ty là 11.190.000 đồng, tăng 45,70% so với năm 2022.

### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Cùng với sự phát triển trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động tại Kigimex cũng ngày càng được nâng cao. Kigimex luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, để chăm lo hơn nữa các khía cạnh vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổng quỹ tiền lương ước thực hiện là 35,47 tỷ đồng, trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý ước thực hiện là 2,39 tỷ đồng; quỹ tiền lương của người lao động ước thực hiện là 33,07 tỷ đồng. Tiền lương bình quân là 11,19 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 3,51 triệu so với năm 2022. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như có những khoản trợ cấp hỗ trợ khi cán bộ nhân viên ốm đau, nghỉ thai sản. Các hoạt động văn nghệ, giao lưu, du lịch cũng được Công ty tổ chức hằng năm nhằm giúp nhân viên có thể giải trí, giảm áp lực trong công việc. Đối với những nhân viên có đóng góp nổi bật trong hoạt động kinh doanh sẽ được Công ty ghi nhận và dành riêng các khoản thưởng xứng đáng. Các chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, luôn đảm bảo được đánh giá trên tinh thần công bằng. Từ đó, tạo được động lực giúp nhân viên làm việc hiệu quả hơn.

### Hoạt động đào tạo người lao động

Đào tạo nguồn lao động là một phần quan trọng của chiến lược nhân sự của Công ty vì nó mang lại nhiều lợi ích quan trọng như: Nâng cao chất lượng và năng suất lao động; Tăng cường sự cam kết và sự hài lòng của nhân viên; Tuân thủ quy định và an toàn lao động; ... Hiểu được điều đó, nên người lao động sau khi vượt qua quá trình tuyển dụng để trở thành nhân viên thực thụ của Kigimex sẽ được tham gia đào tạo theo kế hoạch mà Công ty xây dựng. Những lớp đào tạo sẽ được diễn ra hằng năm mang đến những kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng vị trí công việc cũng như năng lực cá nhân. Các lớp đào tạo này sẽ giúp người lao động nâng cao trình độ chuyên môn, có thêm những kỹ năng cần thiết mà còn hiểu rõ hơn về văn hóa cũng như cách làm việc của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa hội thảo nội bộ, mục tiêu chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm thực tế giữa các đơn vị với nhau, vừa tiết kiệm chi phí vừa mang lại hiệu quả thiết thực.



## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng.

Kigimex xác định mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty không tách rời với mục tiêu đóng góp giá trị cho cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Vì vậy, trong năm 2023, Kigimex đã nỗ lực thực hiện tốt công tác này để mang lại nhiều giá trị hơn cho cộng đồng. Công ty đã ưu tiên hợp tác chặt chẽ với các đơn vị có chuyên môn để đóng góp vào việc hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, đồng thời tham gia tích cực vào các chương trình xây dựng cộng đồng hiệu quả lâu dài. Ngoài ra, Công ty cũng luôn tích cực hỗ trợ các hoạt động cộng đồng tại các địa phương mà doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh. Các hoạt động này đã giúp Kigimex nâng cao trách nhiệm xã hội cho cộng đồng, tạo ra những giá trị lâu dài trong sự phát triển của xã hội.

## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Thị trường vốn xanh là một khái niệm liên quan đến các hoạt động tài chính và đầu tư mà mục tiêu chính là hỗ trợ và thúc đẩy các dự án và doanh nghiệp có tác động tích cực đối với môi trường và sự bền vững. Thị trường vốn xanh thường tập trung vào việc cung cấp nguồn lực tài chính để phát triển và thúc đẩy các giải pháp xanh, từ việc giảm lượng khí nhà kính đến sử dụng nguồn năng lượng tái tạo, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, quản lý nước sạch, và các dự án và sản phẩm khác hỗ trợ mục tiêu bền vững. Thị trường vốn xanh bao gồm các sản phẩm, công cụ tài chính như trái phiếu xanh, cổ phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh,... Thị trường này có vai trò quan trọng trong việc thúc

đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, cung cấp nguồn vốn cho các dự án, hoạt động xanh, giúp doanh nghiệp và tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Hiện nay, Kigimex chưa có nhu cầu gia nhập vào thị trường vốn xanh, tuy nhiên Công ty vẫn luôn cam kết và thực hiện tốt các trách nhiệm với môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững. Vì vậy, trong tương lai, khi Kigimex có nhu cầu gia nhập vào thị trường này, các cam kết và thực hiện vì môi trường hiện tại sẽ là đà tiến bước và minh chứng vững chắc cho Công ty.





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

- **Đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**

# Đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc

## Phân tích tổng quan

Năm 2023, nền kinh tế chung tiếp tục gặp nhiều khó khăn và thách thức. Cạnh tranh chiến lược giữa các quốc gia ngày càng gay gắt và toàn diện hơn. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu gây hậu quả nghiêm trọng gây thiệt hại đến nền nông nghiệp và kinh tế ở nhiều quốc gia, dẫn đến các nguy cơ về an ninh lương thực, an ninh năng lượng, ... Đối mặt với những khó khăn này, hoạt động kinh doanh của Kigimex cũng gặp nhiều ảnh hưởng, khi giá nguyên liệu, chi phí vận chuyển và chi phí hoạt động của Công ty đều đồng loạt gia tăng. Tuy nhiên, bên cạnh các khó khăn, vĩ mô cũng mang đến nhiều cơ hội và thuận lợi cho Công ty như các đơn hàng mới, các cơ hội mở rộng thị trường đến các quốc gia không phải là thị trường truyền thống, yêu cầu Công ty phải nhanh chóng điều chỉnh, thay đổi để nắm bắt.



### THUẬN LỢI

Năm 2023, nhờ vào sự quan tâm và hỗ trợ của Ban lãnh đạo Tổng công ty và Hội đồng quản trị Công ty, Kigimex đã có những định hướng và chính sách phát triển phù hợp. Nhờ vào đó, Công ty đã thuận lợi vượt qua các khó khăn do môi trường vĩ mô gây ra và tận dụng được các cơ hội phát triển. Đẩy mạnh xuất khẩu gạo vào các thị trường mới, cụ thể là thị trường Philippines, một trong những thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam số lượng lớn. Sự uy tín và mối quan hệ lâu dài giữa Kigimex với đối tác và khách hàng cũng là một trong những chìa khóa giúp Công ty có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm.

### KHÓ KHĂN



Hiện nay, thị trường xuất khẩu gạo của Kigimex vẫn còn bị hạn chế khi những thị trường chính của Công ty chỉ tập trung tại Ghana, và một số nước Châu Phi. Trong khi đó, những thị trường nhập khẩu gạo Việt Nam với số lượng lớn như Hàn Quốc, Trung Quốc... thì Công ty vẫn chưa khai thác được hoặc thị phần rất nhỏ. Ngoài ra, trong xu thế cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay, Công ty đang đối mặt với khó khăn: máy móc thiết bị thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu khách hàng, sản phẩm chưa đạt độ trong, bóng; năng lực đóng gói túi nhỏ còn kém; công suất xuất - nhập thấp... Thêm nữa, định phí của Công ty rất cao so với các đối thủ cạnh tranh.

Đối với ngành hàng cá cơm, Các tác động từ thời tiết và các quy định về IUU (Illegal, unreported and unregulated fishing - Khai thác hải sản bất hợp pháp) hạn chế khai thác thủy sản gần bờ là hai nguyên nhân chính gây ra khó khăn cho hoạt động kinh doanh của Kigimex. Khi nó gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn cung nguyên liệu là giá cả và số lượng. Trong ngành xăng dầu, sự cạnh tranh về mức chiết khấu giữa các đơn vị cung ứng xăng dầu trên địa bàn diễn ra khá gay gắt. Giá xăng dầu biến động và nguồn cung không ổn định do các tác động từ Vĩ mô đã khiến doanh thu và lợi nhuận từ ngành hàng này giảm gây ra nhiều khó khăn và thách thức cho Công ty. Theo Bộ Công Thương, từ 11/01/2023, giá xăng tại Việt Nam đã trải qua 36 kỳ điều chỉnh. Trong đó có 19 lần tăng giá, 14 lần giảm giá, và 3 kỳ không điều chỉnh.

## Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm 2023, nhờ vào sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ tạo điều kiện kịp thời từ Đảng ủy, Hội đồng quản trị Tổng công ty, Công ty đã phát huy được năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung sức mạnh tập thể tìm giải pháp, hướng đi mới cho Công ty. Theo đó, Kigimex đã tiếp tục tinh gọn bộ máy tổ chức, kiện toàn các chức danh quản lý, sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp. Các công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cũng được Công ty chú trọng bằng cách tập trung theo dõi diễn biến kinh tế, vụ mùa để đưa ra các dự báo và chính sách kinh doanh phù hợp. Nhờ vậy trong năm, Kigimex đã ghi nhận nhiều tiến bộ trong hoạt động kinh doanh



# Tình hình tài chính

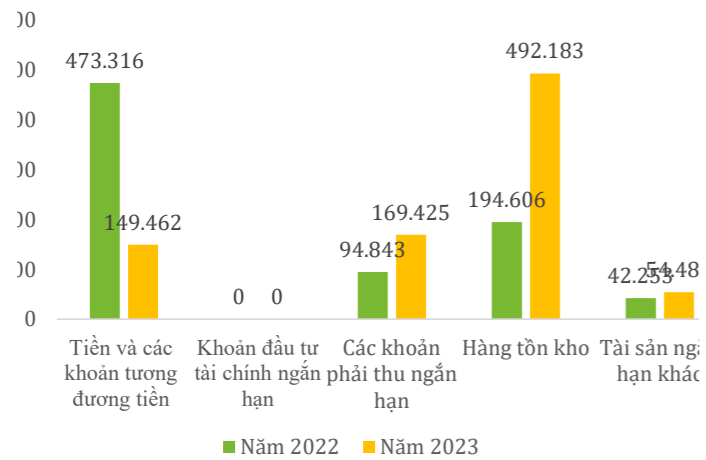
## Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

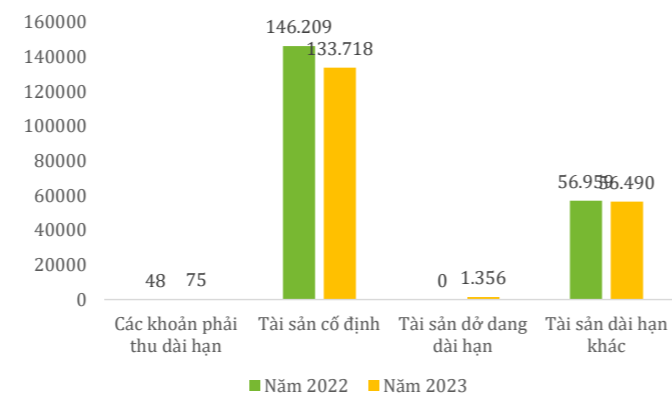
STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	TH 2023/ TH 2022	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>805.018</b>	<b>865.551</b>	<b>107,52%</b>	<b>79,84%</b>	<b>81,87%</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	473.316	149.462	31,58%	46,95%	14,14%
2	Các khoản phải thu ngắn hạn	94.843	169.425	178,64%	9,41%	16,03%
3	Hàng tồn kho	194.606	492.183	252,91%	19,30%	46,56%
4	Tài sản ngắn hạn khác	42.253	54.482	128,94%	4,19%	5,15%
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>203.216</b>	<b>191.639</b>	<b>94,30%</b>	<b>20,16%</b>	<b>18,13%</b>
1	Các khoản phải thu dài hạn	48	75	156,25%	-	0,01%
2	Tài sản cố định	146.209	133.718	91,46%	14,50%	12,65%
3	Tài sản dở dang dài hạn	0	1.356	-	-	0,13%
4	Tài sản dài hạn khác	56.959	56.490	99,18%	5,65%	5,34%
<b>Tổng tài sản</b>		<b>1.008.234</b>	<b>1.057.190</b>	<b>104,86%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Tình hình tài sản năm 2023 của Kigimex có sự biến động trong các khoản mục. Tài sản ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản của Công ty và có sự tăng nhẹ từ 79,84% lên 81,87%, trong khi đó tài sản dài hạn của Công ty có sự giảm nhẹ từ 20,16% xuống còn 18,13%. Theo đó, tài sản của Kigimex đã có sự dịch chuyển vào khoản Tài sản ngắn hạn, cụ thể là Hàng tồn kho. Hàng tồn kho của Công ty đạt 492.183 triệu đồng, tăng 152,91% tương

đương tăng 297.577 triệu đồng so với năm 2022 và chiếm 46,56% cơ cấu Tổng tài sản. Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty đạt 149.462 triệu đồng, giảm 68,42% tương đương giảm 323.854 triệu đồng so với năm 2022, chiếm 14,14% cơ cấu Tổng tài sản. Nguyên nhân của việc chuyển dịch cơ cấu tài sản này là do Kigimex đã dùng tiền mặt để mua hàng tồn kho, đẩy mạnh công tác dự trữ hàng hóa để chuẩn bị cho các hợp đồng xuất khẩu trong năm 2024.



Cơ cấu tài sản ngắn hạn



Cơ cấu tài sản dài hạn

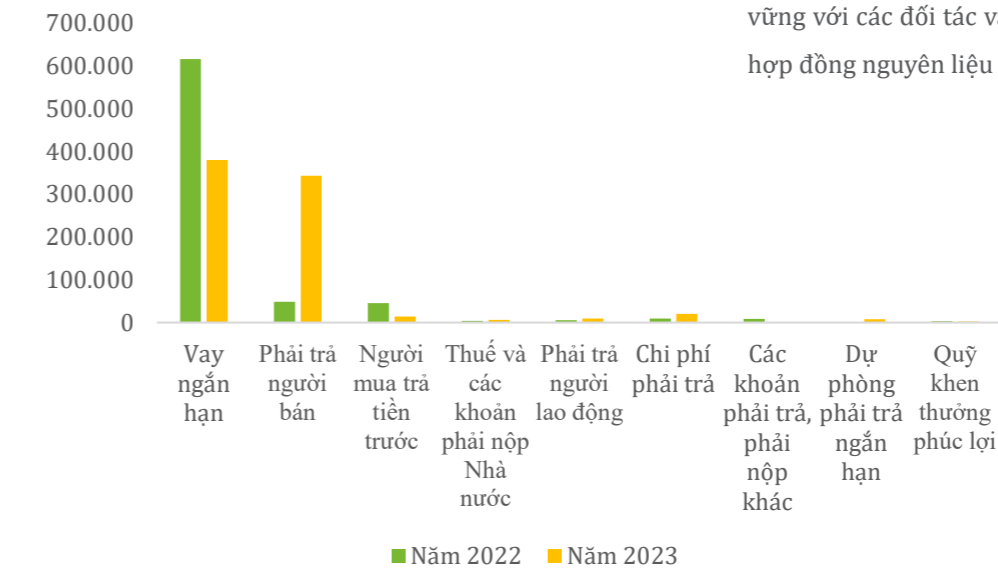
## Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
<b>A</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>744.214</b>	<b>786.137</b>	<b>73,81%</b>	<b>74,36%</b>
I	Nợ ngắn hạn	741.488	783.100	73,54%	74,07%
1	Vay ngắn hạn	616.688	380.429	61,17%	35,98%
2	Phải trả người bán	48.817	343.854	4,84%	32,53%
3	Người mua trả tiền trước	45.269	13.718	4,49%	1,30%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.046	5.944	0,40%	0,56%
5	Phải trả người lao động	5.466	9.021	0,54%	0,85%
6	Chi phí phải trả	9.091	19.995	0,90%	1,89%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.642	643	0,86%	0,06%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	637	7.500	0,06%	0,71%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.792	1.997	0,28%	0,19%
II	Nợ dài hạn	2.766	3.036	0,27%	0,29%
<b>B</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>270.784</b>	<b>271.054</b>	<b>26,19%</b>	<b>25,64%</b>
I	Vốn chủ sở hữu	270.784	271.054	26,19%	25,64%
II	Nguồn kinh phí từ quỹ khác	0	0	0,00%	0,00%
<b>Tổng nguồn vốn</b>		<b>1.008.234</b>	<b>1.057.190</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Cấu trúc nguồn vốn của Kigimex bao gồm Nợ phải trả chiếm 74,36% và Vốn chủ sở hữu chiếm 25,64%. Trong năm, thay đổi đáng chú ý nhất là việc Công ty có sự thay đổi về tỷ trọng Vay ngắn hạn và khoản Phải trả cho người bán. Cụ thể, Vay ngắn hạn của Công ty trong năm 2023 đạt 389.429 triệu

đồng giảm 38,81% tương đương giảm 236.259 triệu đồng so với năm 2022. Phải trả cho người bán đạt 343.854 triệu đồng, tăng trưởng 604,37% tương đương tăng 295.037 triệu đồng. Điều này đã thể hiện được rằng Công ty đang ngày càng phát huy hơn nữa các mối quan hệ lâu dài và bền vững với các đối tác và khách hàng, để có thể xây dựng các hợp đồng nguyên liệu linh hoạt về tài chính.



Cơ cấu nợ ngắn hạn

## Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

### Công tác tổ chức nhân sự

Công ty thực hiện thực hiện và phát huy mô hình quản trị tập trung về tổ chức, kinh doanh, tài chính, đầu tư và tiến đến quản trị sản xuất, tăng cường công tác quản lý khai thác tài sản. Công ty đã thể chế hóa các quy định, quy chế quản lý nội bộ để tăng cường công tác quản lý, kịp thời mọi hoạt động, quản trị tốt dòng tiền, đầu tư kịp thời các hạng mục cấp thiết và thực hiện tốt việc hợp tác kinh doanh, phát huy nguồn lực toàn Công ty và tăng hiệu quả đáng kể trong mọi hoạt động, giúp Công ty duy trì tốt hiệu quả kinh doanh nhiều năm liền.

Thực hiện tinh gọn bộ máy tổ chức, kiện toàn các chức danh quản lý; sử dụng lao động phù hợp với vị trí việc làm để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý, quy hoạch cấp ủy trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

### Công tác điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh

Thực hiện công tác dự báo, theo dõi diễn tiến vụ mùa để tính toán thời điểm mua, sản lượng, chủng loại và giá mua phù hợp.

Theo dõi diễn biến của đồng USD và nội tệ, chính sách xuất khẩu/nhập khẩu gạo của các nước nhất là các nước có đối tác quan hệ giao thương với Công ty.

Nghiêm túc thực hiện theo mô hình quản trị tập trung, vận hành mọi mặt hoạt động theo hướng chỉ đạo thực hiện từ Công ty xuống đơn vị.

Theo sát kế hoạch SXKD từng tháng, để triển khai có hiệu quả kế hoạch đề ra.

Hàng tháng, tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty, từ đó có định hướng, chỉ đạo các chi nhánh thực hiện tốt công tác sản xuất kinh doanh, đặc biệt là mặt hàng gạo.

### Công tác tài chính kế toán

Thường xuyên thực hiện cân đối, đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023.

Thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính đúng quy định.

### Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số

Công ty đã ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý: xây dựng bộ nhận dạng thương hiệu, thiết kế website công ty, ứng dụng văn phòng điện tử và phần mềm để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổng công ty, Công ty đã kiện toàn bộ máy nhân sự lãnh đạo cấp cao đặc biệt là những người đứng đầu Công ty trong HĐQT. Điều này giúp tận dụng hết tiềm năng lãnh đạo, tập trung sức mạnh tập thể để tìm ra giải pháp và định rõ hướng phát triển mới cho Công ty. Nhờ vào việc này, Công ty có thể thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng như sau:

### Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản

Rà soát, đánh giá lại tài sản; hợp tác khai thác/ sử dụng tài sản tạo nguồn thu bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh. Sắp xếp dây chuyền sản xuất để tối ưu hiệu quả hoạt động, tiết kiệm chi phí đầu tư.

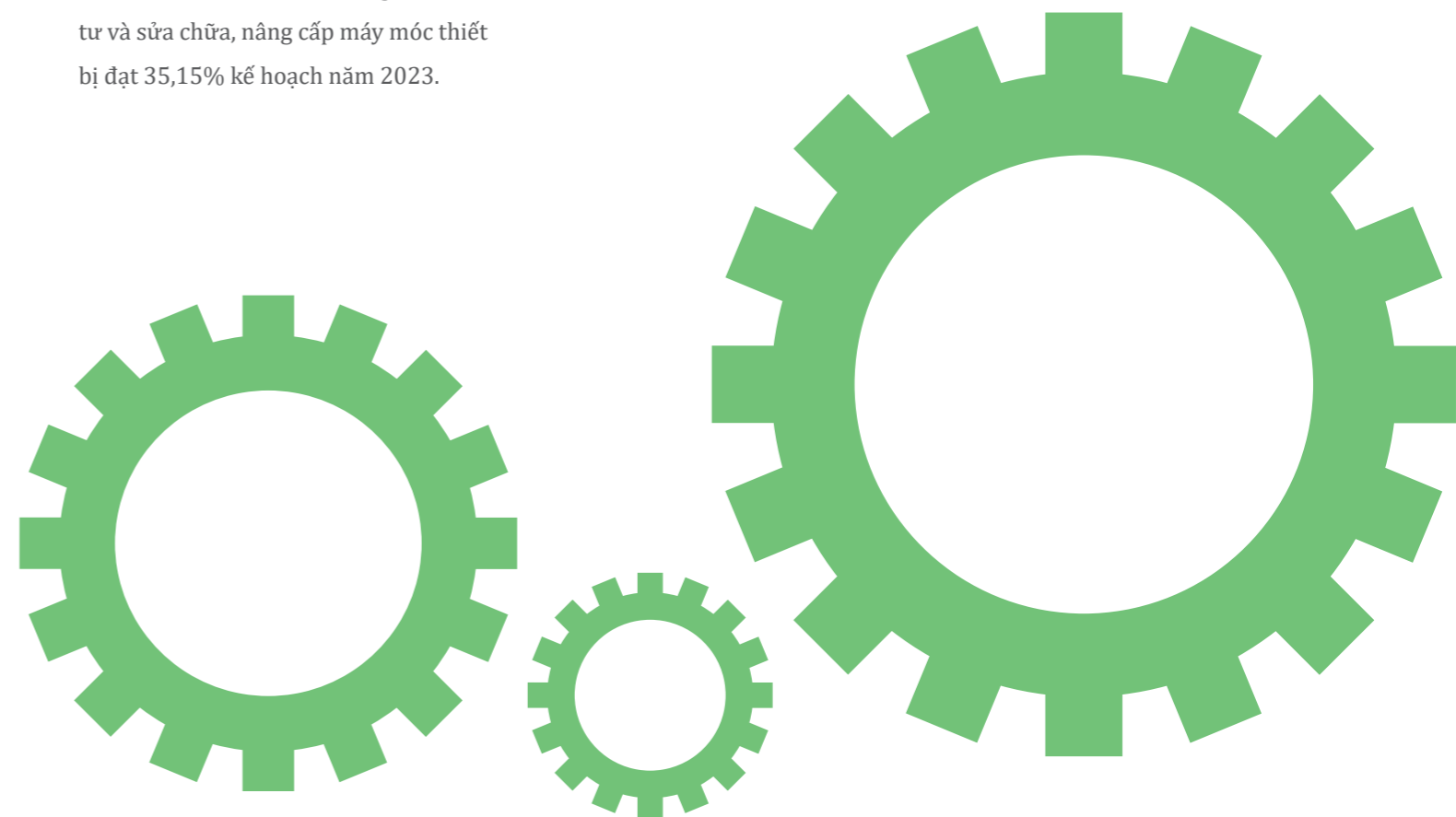
Triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư và sửa chữa, nâng cấp máy móc thiết bị đạt 35,15% kế hoạch năm 2023.

### Công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên

Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm kể từ sau khi cổ phần hóa, Công ty cũng đã triển khai thực hiện đúng nghị quyết ĐHĐCĐ đã quyết nghị tại các kỳ đại hội

### Công tác đảng

Đảng ủy công ty và Hội đồng quản trị đã hợp tác chặt chẽ để chỉ đạo ban điều hành triển khai và hoàn thành mục tiêu xây dựng Đảng cũng như quản lý sản xuất kinh doanh trong năm 2023.



# Kế hoạch phát triển trong tương lai

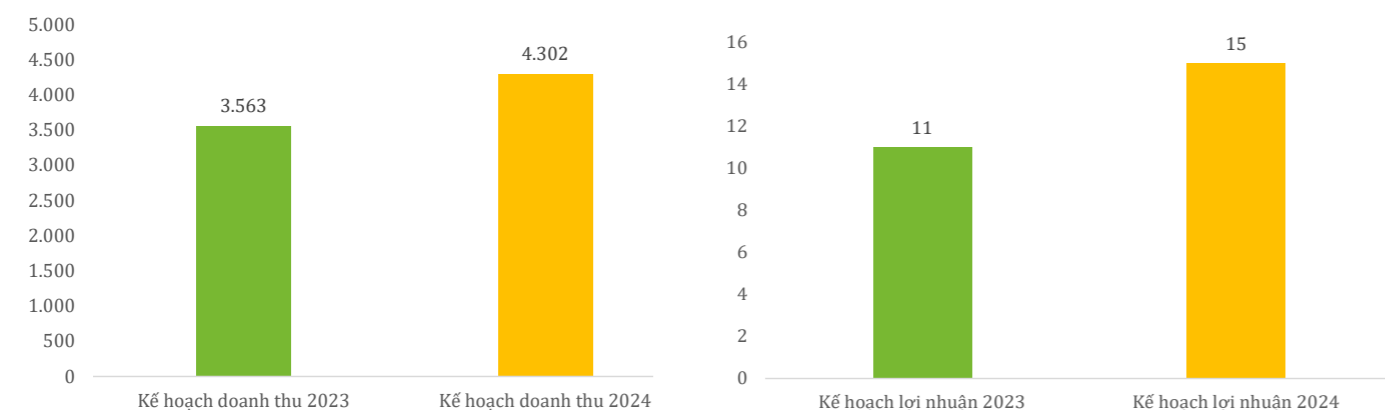
## Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Trên cơ sở dự báo thị trường, với thực trạng nguồn nhân lực, khả năng tài chính, năng lực máy móc, thiết bị hiện có, nguồn cung và đối tác khách hàng hiện có, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2024
<b>I</b>	<b>Mua vào</b>		
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	265.000
2	Cá cơm tươi (quy tươi)	Tấn	900
3	Xăng dầu	Triệu lít	18,00
<b>II</b>	<b>Bán ra</b>		
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	265.000
-	Xuất khẩu	Tấn	230.000
-	Nội địa	Tấn	35.000
2	Cá cơm tươi (thành phẩm)	Tấn	225
3	Xăng dầu	Triệu lít	18,00
<b>III</b>	<b>Kim ngạch</b>		
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	143,382
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	
<b>IV</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>4.302</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>15,00</b>
<b>VI</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>4,85</b>

## Thuyết minh các chỉ tiêu mặt hàng gạo - ngành hàng chính của Công ty

Sản lượng mua vào, bán ra là 265.000 tấn, tăng 6% so kế hoạch 2023, trong đó bán xuất khẩu là 230.000 tấn, bán nội địa là 35.000 tấn. Kim ngạch xuất khẩu 143,38 triệu USD, tăng 17% so kế hoạch 2023, kim ngạch xuất khẩu gạo là 142,66 triệu USD. Doanh thu 4.302 tỷ đồng, tăng 20,8% so kế hoạch 2023, trong đó doanh thu ngành lương thực 3.938 tỷ đồng. Lợi nhuận 15 tỷ đồng, tăng 36,4% so với kế hoạch 2023. Nộp ngân sách theo quy định.



## Định hướng phát triển thị trường, khách hàng

Kế hoạch xuất khẩu năm 2024 được xây dựng trên cơ sở cân đối nhu cầu nhập khẩu trong năm 2024 của các thị trường. Công ty tập trung vào thị trường thương mại tiêu thụ gạo thơm, gạo đặc sản, duy trì giao dịch các khách hàng truyền thống song song với khai thác khách hàng mới như sau:

STT	Thị trường, khách hàng	KH sản lượng (tấn)	Gạo trắng TP	ĐT8	Gạo thơm + Đặc sản					
					Jas-mine	KDM / NH	Japo-nica	OM 5451	Tấm thơm	Nếp
I	Xuất khẩu	230.000	65.000	35.000	58.000	40.000	20.000	2.000	9.800	200
1	Châu Á	95.500	65.000	18.000	7.000	-	3.000	2.000	300	200
2	Châu Phi	138.000	-	15.000	50.000	38.000	16.000	-	9.000	-
3	Thị trường khác	6.500	-	2.000	1.000	2.000	1.000	-	500	-
II	Nội địa	35.000	10.000	5.000	12.000	-	2.000	6.000	-	-
	Tổng cộng	265.000	75.000	40.000	70.000	40.000	22.000	8.000	9.800	200

## Nguồn lực tài chính

Công ty dự kiến huy động vốn năm 2024 là 2.820 tỷ đồng theo hình thức thế chấp tài sản, hàng tồn kho và công nợ phải thu, lý do:

- Để đảm bảo nhu cầu vốn thu mua cho kế hoạch SXKD năm 2024.
- Công ty có cơ hội đàm phán, lựa chọn vay vốn với lãi suất thấp, cạnh tranh và tình trạng hết room tín dụng.
- Hạn mức tín dụng của ngân hàng thường được cấp dưới dạng hạn mức không cam kết và dễ thay đổi hoặc dừng đột xuất.

## Năng lực sản xuất và sức chứa

Tích lượng kho chứa hiện tại: 144.257 tấn/năm, công suất lau bóng và tách màu theo thiết kế trên 200.000 tấn/năm.

## Kế hoạch định phí năm 2024

Định phí kế hoạch là 82,327 tỷ đồng, bằng 91,14% định phí phát sinh năm 2023. Trong đó: lương và các khoản trích theo lương chiếm 47%; khấu hao tài sản chiếm 20%.

## Kế hoạch quỹ tiền lương 2024

- Kế hoạch tổng quỹ tiền lương năm 2024 là 35,783 tỷ đồng, bao gồm: Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách (07 người): 2,730 tỷ đồng; Quỹ tiền lương của người lao động (265 người): 33,053 tỷ đồng.
- Kế hoạch thù lao thành viên HĐQT và BKS: 636 triệu đồng.

## Kế hoạch đầu tư 2024

Dự kiến trong năm 2024, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Tổng mức đầu tư
<b>I</b>	<b>Xí nghiệp CBLT XK Thanh Hưng</b>	<b>1,160 tỷ đồng</b>
1	Hệ thống băng tải nhập xuất vượt lộ	0,8 tỷ đồng
2	Đầu tư mới 01 cân băng tải	0,06 tỷ đồng
3	Đầu tư hệ thống báo cháy tự động	0,30 tỷ đồng
<b>II</b>	<b>Xí nghiệp CBLT XK Sơn Thuận</b>	<b>0,40 tỷ đồng</b>
1	Đầu tư mới 5 băng tải di động 6m	0,23 tỷ đồng
2	Mua mới máy nén khí 5,5kW cho hệ thống cân xuất	0,05 tỷ đồng
3	Đầu tư mới 02 cân băng tải	0,12 tỷ đồng
<b>III</b>	<b>Xí nghiệp CBLT XK An Hòa</b>	<b>3,130 tỷ đồng</b>
1	Đầu tư 1 Máy tách màu công suất 8-12 tấn/giờ	1,25 tỷ đồng
2	Đầu tư máy nén khí 100hp	0,57 tỷ đồng
3	Thiết bị phụ trợ máy tách màu	0,53 tỷ đồng
4	Đầu tư hệ thống băng tải nhập hàng trên không 170m	0,78 tỷ đồng
<b>IV</b>	<b>Xí nghiệp CBLT XK Tân Phú</b>	<b>0,3 tỷ đồng</b>
1	Đầu tư mới 01 cân xuất	0,3 tỷ đồng
<b>V</b>	<b>Xí nghiệp kinh doanh xăng An Bình</b>	<b>0,80 tỷ đồng</b>
1	Đầu tư mới 2 trụ bơm xăng dầu	0,20 tỷ đồng
2	Đầu tư lắp đặt TB các trụ bơm xuất hoá đơn điện tử	0,60 tỷ đồng
<b>VI</b>	<b>Xí nghiệp Cá Cơm Hòn Chông</b>	<b>2 tỷ đồng</b>
1	Đầu tư tàu thu mua cá cơm (tàu đã qua sử dụng)	2 tỷ đồng
<b>V</b>	<b>Văn phòng công ty</b>	<b>0,52 tỷ đồng</b>
1	Hạng mục chuyển đổi số	0,30 tỷ đồng
2	Màn hình led (hội trường/phòng họp)	0,22 tỷ đồng
	<b>Tổng cộng</b>	<b>8,31 tỷ đồng</b>



# Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Kigimex là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.

## Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

### 1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm 2023, Kigimex đã sử dụng 528.844 tấn lúa gạo quy gạo, 1.120 tấn cá cơm tươi và 16.735 triệu lít xăng. Các nguồn năng lượng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là điện năng, xăng dầu và nước có giá trị lần lượt là 13.022 triệu đồng, 832 triệu đồng và 55 triệu đồng. Trong năm, để các nguồn nguyên liệu và năng lượng này đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh, Kigimex đã chủ trương tìm kiếm những nhà cung cấp, đối tác đáng tin cậy, xây dựng kế hoạch quản lý và tiêu thụ năng lượng một cách có hiệu quả. Kigimex thường xuyên tuyên truyền về ý thức tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên, năng lượng đến toàn thể cán bộ, công nhân viên trong Công ty. Ngoài ra, trong năm Kigimex cũng tiếp tục là một công ty có trách nhiệm với môi trường, khi Công ty chưa từng bị xử phạt về hành vi không tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường. Điều này đã giúp Công ty hạn chế được các rủi ro về pháp lý, tránh các khoản phạt và còn làm gia tăng uy tín, sự đón nhận của khách hàng lên các sản phẩm của Kigimex.

Sản phẩm chính của Kigimex là gạo, một loại cây trồng góp phần đáng kể vào lượng khí thải N<sub>2</sub>O do con người tạo ra. Vi khuẩn tự nhiên trong đất và nước chuyển đổi N<sub>2</sub> (đạm) thành N<sub>2</sub>O. Tuy nhiên, việc sử dụng phân bón để tăng cường năng suất cây lúa và quá trình phân hủy phân bón có thể làm tăng lượng N<sub>2</sub>O bằng cách đưa thêm lượng đạm vào môi trường. Vì vậy, để giảm thiểu khí thải trong quá trình sản xuất gạo và bảo vệ môi trường đất, Kigimex khuyến khích nông dân sử dụng phân bón một cách hợp lý, tránh tình trạng sử dụng quá nhiều phân gây ô nhiễm môi trường. Kigimex cũng tập trung vào việc tăng cường ý thức bảo vệ môi trường cho cả cán bộ nhân viên, khích lệ sự tích cực tham gia vào các chương trình bảo vệ môi trường. Cùng với đó, Công ty cam kết tuân thủ mọi quy định về bảo vệ môi trường và giảm thiểu các hành động tiêu cực đối với môi trường.



### 2. Đánh giá liên quan đến vấn đề NLĐ

Kigimex luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, để chăm lo hơn nữa các khía cạnh vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổng quỹ tiền lương ước thực hiện là 35,47 tỷ đồng, trong đó, quỹ tiền lương của người quản lý ước thực hiện là 2,39 tỷ đồng; quỹ tiền lương của người lao động ước thực hiện là 33,07 tỷ đồng. Tiền lương bình quân là 11,19 triệu đồng/người/tháng, cao hơn 3,51 triệu so với năm 2022. Các hoạt động đào tạo luôn nằm trong chiến lược nhân sự của Kigimex, Công ty luôn tạo điều kiện học hỏi và các khóa khóa đào tạo cho cán bộ nhân viên trong Công ty, để họ có thể nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển hơn tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cũng như có những khoản trợ cấp hỗ trợ khi cán bộ nhân viên ốm đau, nghỉ thai sản. Các chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, luôn đảm bảo được đánh giá trên tinh thần công bằng. Từ đó, tạo được động lực giúp nhân viên làm việc hiệu quả hơn.

### 3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Kigimex đã đặt mục tiêu và chiến lược phát triển của mình chặt chẽ với việc đóng góp tích cực vào cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội doanh nghiệp. Trong năm 2023, để tối ưu hóa giá trị đóng góp cho cộng đồng, Công ty đã nỗ lực không ngừng. Kigimex ưu tiên sự hợp tác chặt chẽ với các đối tác chuyên nghiệp để hỗ trợ, tài trợ và cung cấp nguồn lực tài chính cho các trường hợp khó khăn. Đồng thời, công ty tích cực tham gia vào các chương trình xây dựng cộng đồng bền vững. Ngoài ra, Kigimex không ngừng hỗ trợ các hoạt động cộng đồng tại các địa phương hoạt động bằng cách cung cấp nguồn tài trợ kinh phí và hỗ trợ nhân lực. Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty nâng cao trách nhiệm xã hội mà còn tạo ra giá trị bền vững trong sự phát triển của cộng đồng.





## **Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị**

- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty**
- **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm vừa qua, tình hình chính trị, kinh tế toàn cầu và khí hậu đã diễn ra khá phức tạp, gây ra nhiều khó khăn trong công tác thu mua nguyên liệu, dẫn đến tăng giá nguyên liệu đầu vào và tác động lớn đến hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị đã đánh giá cao sự cố gắng của Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ nhân viên trong việc đạt được các mục tiêu đã đề ra. Đặc biệt là đánh giá cao việc Ban Tổng giám đốc theo dõi chặt chẽ hoạt động của các phòng ban, duy trì mối quan hệ với khách hàng hiện tại và không ngừng tìm kiếm và thu hút khách hàng mới. Các chính sách ưu đãi được đưa ra cẩn thận và phù hợp với từng đối tượng khách hàng, đảm bảo cung cấp sản phẩm chất lượng cao nhất đến khách hàng.

Kigimex không chỉ tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn đặt mức độ quan trọng cao đối với việc bảo vệ môi trường và thực hiện các trách nhiệm xã hội. Công ty đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định môi trường của Nhà nước, đặc biệt là trong quá trình xử lý rác thải nhằm ngăn chặn ô nhiễm môi trường và nguồn nước. Trong năm vừa qua, Công ty đã tích cực tham gia nhiều hoạt động hỗ trợ cộng đồng và xã hội. Công ty cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội, không chỉ qua các hoạt động kinh doanh mà còn qua việc tích cực tham gia và ủng hộ các hoạt động có ý nghĩa xã hội.



## Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

▶ Hội đồng quản trị tiến hành giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2023 thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất. Trong quá trình điều hành, Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định trong Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, cũng như tất cả các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.

▶ Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ giám sát với nguyên tắc trung thực, cẩn trọng, và khách quan, đặc biệt là trong quá trình trực tiếp phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

▶ Ban Tổng giám đốc đã thể hiện tính chủ động, nhạy bén và khả năng ứng phó nhanh chóng với những biến động phức tạp của thị trường trong và ngoài nước. Với sự linh hoạt điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp để phản ánh sự thay đổi theo từng giai đoạn, nhằm giảm thiểu rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

▶ Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu ở ngưỡng an toàn và hiệu quả.
- Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 28/03/2023 theo đúng quy định.

### Kết quả giám sát

Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều sự nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc đã tự quản lý và kiểm soát một cách chủ động việc sử dụng vốn trong quá trình sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả cao nhất. Thực hiện đánh giá và giữ chặt các định hướng, kế hoạch từ Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội cổ đông. Công việc này đã được triển khai và thực hiện đúng theo kế hoạch, hỗ trợ hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã được đề ra.



## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Doanh thu **4.302.000.000.000** đồng



Lợi nhuận **15.000.000.000** đồng



Đầu tư **8.310.000.000** đồng



### Hội đồng quản trị công ty đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2024

Năm 2024 với phương châm hành động là “Đoàn kết - Sáng tạo - Tiết kiệm - Hiệu quả” trên cơ sở đảm bảo phù hợp với mục tiêu định hướng năm 2024, Công ty đã đề ra các mục tiêu để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 cùng với các chỉ tiêu được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Theo hướng này, Hội đồng quản trị Công ty đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm sau đây để thực hiện giám sát và chỉ đạo:

- Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu là ưu tiên hàng đầu.
- Tuân thủ Điều lệ, quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng được chú trọng. Quy định của Pháp luật trong việc quản lý và lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là trong quá trình mua bán hàng hóa xuất nhập khẩu, cũng được thực hiện một cách nghiêm túc.
- Để đảm bảo tính hiệu quả và tuân thủ đầy đủ, Công ty thường xuyên rà soát lại các quy chế quản lý nội bộ đã ban hành, bổ sung và tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định để đảm bảo sự minh bạch và tuân thủ đầy đủ theo các quy định hệ thống.
- Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình quản trị tập trung về tài chính, kinh doanh, đầu tư và quản lý khai thác tài sản hiệu quả để phát huy nguồn lực toàn Công ty.
- Tổ chức triển khai nhằm đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư, đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty đặt ưu tiên vào việc đẩy mạnh nghiên cứu để đưa ra các mặt hàng và sản phẩm kinh doanh mới trong năm 2024.
- Tiếp tục tăng cường công tác theo dõi, quản lý tiền hàng và thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, phòng ngừa, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra.
- Tiếp tục xây dựng chính sách tuyển dụng và thu hút nhân tài, nhất là nhân sự kinh doanh xuất nhập khẩu, có khả năng phát triển thị trường, bán hàng.
- Tập trung đầu tư các hạng mục nâng cấp, sửa chữa hoàn thiện dây chuyền máy móc thiết bị nhằm tối ưu hiệu quả sử dụng của tài sản đã đầu tư. Đẩy nhanh việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ không cần dùng, ít dùng, không hiệu quả để thu hồi vốn và giảm định phí.
- Tổ chức thực hiện chủ trương chuyển đổi số theo lộ trình, kế hoạch và định hướng của Tổng công ty Lương thực miền Nam.

Để đạt được các mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra các kế hoạch và chiến lược như sau:

### 1. Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

- Nắm bắt tốt thông tin thời vụ, thị trường, xu hướng giá và nhu cầu của khách hàng. Tăng cường công tác giao dịch bán hàng và khai thác khách hàng, thị trường mới, đồng thời cần thực hiện tốt công tác duy trì, chăm sóc khách hàng truyền thống, nâng cao chất lượng, thỏa mãn nhu cầu khách hàng.
- Theo dõi sát thị trường xăng dầu, bám sát chủ trương giá của Nhà nước, giữ mối quan hệ với các doanh nghiệp đầu mối. Nắm bắt thông tin về mức hoa hồng và chiết khấu, chính sách bán hàng từng thời điểm của doanh nghiệp. Chủ động nguồn hàng kịp thời, giữ được khách hàng ổn định cùng với tìm kiếm thêm khách hàng mới.
- Đẩy mạnh công tác mua vào – bán ra, tăng vòng quay hàng tồn kho để đạt sản lượng kế hoạch, thu hồi được định phí và có lãi.
- Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát tốt hoạt động mua bán hàng hóa, đảm bảo đúng điều lệ, quy chế hiện hành của Công ty và quy định của pháp luật, đề phòng rủi ro.
- Định kỳ tổ chức đánh giá, chọn lọc nhà cung ứng, khách hàng có năng lực, uy tín.
- Thực hiện tốt công tác bí mật thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh,
- Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, điều hành nhằm cung cấp thông tin kịp thời để Ban điều hành đưa ra quyết định phù hợp trong điều hành SXKD của Công ty.
- Chuyển đổi công năng một số cơ sở có kho tàng, máy móc thiết bị tại các vùng nguyên liệu đặc thù để khai thác lợi thế vùng sản xuất các sản phẩm chế biến sau gạo và các sản phẩm khác tạo giá trị gia tăng và hiệu quả cao.
- Tiếp tục phát huy mô hình quản trị tập trung để phát huy nguồn lực toàn Công ty.
- Hợp tác liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa gạo, kết hợp với việc truy xuất thông tin về nguồn gốc và áp dụng tiêu chuẩn sản xuất an toàn và bền vững vùng nguyên liệu. Đồng thời, thúc đẩy tiêu thụ lúa gạo thông qua nền tảng số và tích hợp giá trị để tạo thuận lợi cho nông dân và người tiêu dùng. Nâng cao chất lượng và thương hiệu của gạo Việt Nam, đóng góp vào sự cạnh tranh cao trên thị trường xuất khẩu.

### 2. Về công tác quản lý sản xuất chế biến, kinh doanh

- Xây dựng kế hoạch mua vào, bán ra đảm bảo phương án tối ưu và hiệu quả dựa trên: Giá nguyên liệu đầu vào thấp; Tiết kiệm chi phí trong sản xuất; Tăng tỷ lệ thu hồi; Chất lượng đầu vào đảm bảo.
- Tăng cường công tác quản lý sản xuất, quản lý chất lượng hợp lý hóa quy trình sản xuất, lưu kho, bảo quản hàng hoá; thực hiện kiểm soát và tiết giảm chi phí... nhằm hạ giá thành sản phẩm để cạnh tranh. Ngành lương thực ưu tiên mua lúa, gạo xô, ngành cá cơm ưu tiên mua cá tươi để khai thác công suất máy móc thiết bị.
- Trong kinh doanh, sản xuất chế biến phải đảm bảo theo đúng quy chế quản lý sản xuất chế biến lương thực của Công ty, đặc biệt chú trọng an toàn tiền hàng, thường xuyên kiểm soát chất lượng, số lượng hàng hóa trong kho.
- Nâng cao chất lượng sản phẩm và tiêu chuẩn ATVSTP để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, nhất là các sản phẩm tiêu dùng trực tiếp như cá cơm ăn liền.

## Các kế hoạch, định hướng của HĐQT (tt)

### 3. Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

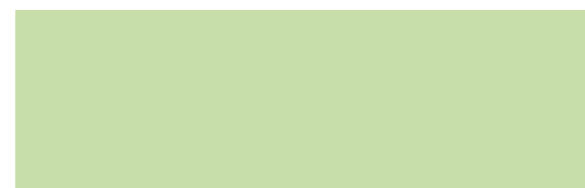
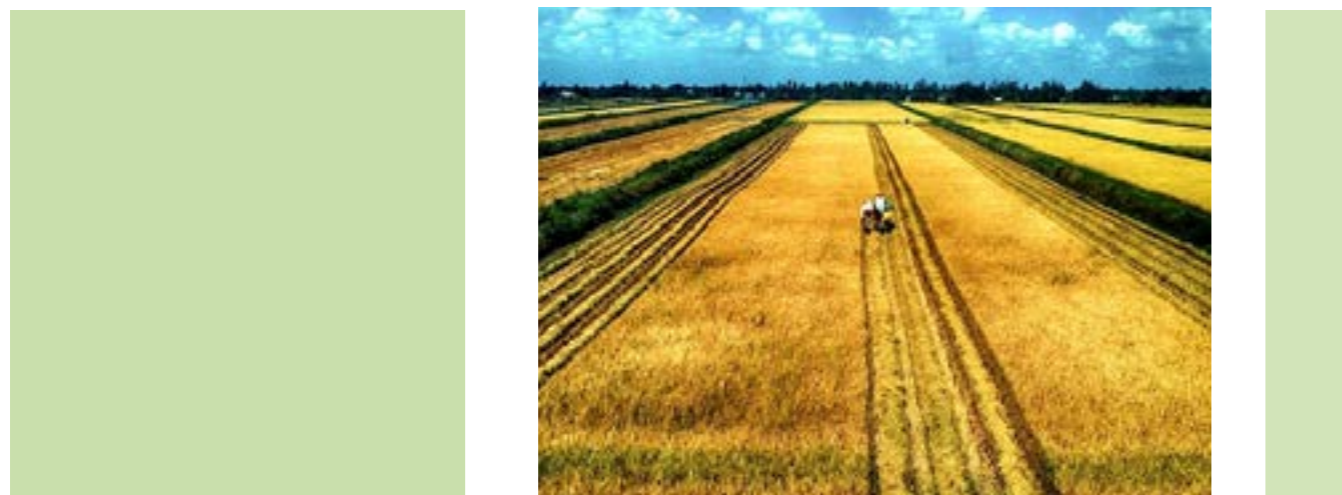
- Tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính, mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trong nước và quốc tế, đảm bảo đủ nguồn vốn hoạt động SXKD và đầu tư.
- Tăng cường công tác theo dõi tỷ giá ngoại tệ, cân đối đồng tiền vay có hiệu quả.
- Tuân thủ quy định và chuẩn mực kế toán.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị phụ thuộc, kiểm soát chi phí nhằm sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn nguồn vốn, không để rủi ro xảy ra và phát sinh công nợ khó đòi.

### 4. Về Công tác thu hồi công nợ

- Tập trung quyết liệt đồng thời đề ra giải pháp để thu hồi nợ nhằm lành mạnh tài chính, giảm thiểu số phải trích lập dự phòng và báo cáo theo quy định

### 5. Về công tác chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai chủ trương của Tổng công ty về ứng dụng chuyển đổi số vào công tác quản lý, điều hành theo kế hoạch đã đề ra.



### 6. Về công tác tổ chức, nhân sự

- Tiếp tục kiện toàn nhân sự quản lý và tổ chức bộ máy để bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình hiện tại theo hướng tinh gọn, nâng cao phương thức quản trị để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả doanh nghiệp.
- Tiếp tục tuyển dụng nhân sự, đào tạo và đào tạo lại để đủ nguồn lực đáp ứng cho yêu cầu công việc. Chú trọng nhân viên kinh doanh, ban lãnh đạo các chi nhánh trực thuộc.
- Tiếp tục nghiên cứu cải cách quy chế tiền lương, để kích thích tăng năng suất lao động và có những chính sách đãi ngộ thích hợp đối với cán bộ, nhân viên có năng lực, có thành tích xuất sắc, nổi trội, làm lợi cho Công ty...
- Tăng cường công tác đoàn kết nội bộ và bảo vệ bí mật trong SXKD

### 7. Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Triển khai đúng kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản đã được phê duyệt, thực hiện đầu tư đúng trình tự và quy định của pháp luật về đầu tư.
- Rà soát, nâng cấp MMTB, ưu tiên các hạng mục, dự án cấp thiết; điều chuyển hợp lý hóa hệ thống máy móc thiết bị nhằm giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng chế biến để đáp ứng nhu cầu của thị trường hiện nay.
- Tiếp tục tìm kiếm đối tác trong hợp tác, khai thác, nhận ký gửi hàng hóa lúa gạo, công nghệ phẩm để tận dụng tối đa hiệu suất sử dụng kho, thiết bị của Công ty.
- Rà soát, đề xuất thanh lý tài sản, CCCD hư hỏng, không cần dùng để thu hồi vốn kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện thủ tục chuyển đổi sở hữu lô đất ở huyện Kiên Lương (Xí nghiệp cá cơm) sang tên hiện hữu của Công ty





## Quản trị công ty

- **Hội đồng quản trị**
- **Ban Kiểm soát**
- **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát**

# Hội đồng quản trị

**Thành phần và cơ cấu HĐQT:** Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	251.600	0,99%	7.628.664	30,00%
2	Ông Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	10.000	0,04%	5.085.776	20,00%
3	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT, kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	0	0,00%	2.542.888	10,00%
5	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	3.000	0,012%	0	0,00%



## Ông Bạch Ngọc Văn – Chủ tịch HĐQT

**Trình độ chuyên môn:** Cao học Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- 1997 - 1998: Thực tập viên xuất nhập khẩu, phòng xuất nhập khẩu Công ty Rau quả TP. HCM.
- 1998 - 1999: Nhân viên xuất nhập khẩu, phòng nhập khẩu Trung tâm dụng cụ y khoa quận 1, TP. HCM.
- 01/2000 - 03/2000: Nhân viên xuất nhập khẩu Công ty TDS, quận 10, TP. HCM.
- 04/2000 - 05/2000: Nhân viên Chi nhánh TP.HCM thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2000 - 04/2002: Nhân viên phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 05/2002 - 05/2004: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh – Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 06/2004 - 12/2005: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2005 - 12/2007: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 01/2008 - 06/2010: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2010 - 03/2011: Phó giám đốc kiêm trưởng phòng kế hoạch kinh doanh - xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2011 - 02/2016: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 03/2016 - 06/2016: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 – 10/05/2018: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 đến nay: Người đại diện vốn của Tổng công ty lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần tại Công ty.
- 11/05/2018 đến nay: Phó TGD Tổng công ty lương thực Miền Nam, Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 11/05/2018 – 15/03/2022: Ủy viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/2018 – 22/10/2021: Ủy viên HĐQT Tổng công ty lương thực Miền Nam-CTCP.
- 15/03/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Phó TGD Tổng công ty Lương thực miền Nam.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 7.880.264 cổ phần, chiếm 30,99% vốn điều lệ.

Sở hữu cá nhân: 251.600 cổ phần, chiếm 0,99% vốn điều lệ.

Sở hữu đại diện: 7.628.644 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có.

## Ông Mai Thành Công – Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ tháng 01/2002 - 14/06/2010: Nhân viên Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Tân Phú, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
- Từ ngày 15/06/2010-03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
- Từ tháng 04/2011 - 01/2012: Phó phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
- Từ tháng 02/2012 - 23/11/2015: Phó giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Tân Phú, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
- Từ ngày 24/11/2015 - 30/06/2016: Quyền Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Kiên Giang.
- Từ tháng 07/2016 - 03/01/2022: Giám đốc Xí nghiệp Chế biến Lương thực xuất khẩu Sơn Thuận, đơn vị trực thuộc Công ty cổ phần XNK Kiên Giang.
- Từ ngày 04/01/2022-21/6/2022: Phó Trưởng Ban Kinh doanh xuất nhập khẩu Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- Từ ngày 24/6/2021 - 27/4/2023: Người đại diện phần vốn của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bao bì Tiền Giang không chuyên trách.
- Từ ngày 22/6/2022 -01/12/2023: Phó Trưởng Ban Kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- 01/12/2023 đến nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Phó Trưởng Ban Kinh doanh Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên Hội Đồng Quản Trị

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 5.090.776 cổ phần, chiếm 20,02% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Sở hữu đại diện: 5.085.776 cổ phần, chiếm 20,00% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần).

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

**Bà Dương Thị Thanh Nguyệt – Thành viên HĐQT:** Xem lý lịch ban điều hành

**Ông Phạm Minh Trung – Thành viên HĐQT:** Xem lý lịch ban điều hành



## Ông Đặng Quốc Việt – Thành viên HĐQT

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế

**Quá trình công tác:**

- 5/2010 - 11/2011: Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn - Nhân viên kinh doanh thủy sản xuất khẩu.
- 11/2011 - 11/2014: Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn – Trưởng Bộ phận kinh doanh gạo xuất khẩu
- 12/2014 - 28/03/2023: Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh – Trợ lý Tổng Giám Đốc
- 28/03/2023 đến nay: Thành viên HĐQT tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, Trợ lý Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên Hội Đồng Quản Trị

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Trợ lý Tổng Giám Đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 3.000 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần, chiếm 0,012% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

## Những thay đổi trong Hội đồng quản trị năm 2023

STT	Họ và tên	Chức vụ trước khi bổ nhiệm	Chức vụ sau khi bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
1	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Phó chủ tịch HĐQT	Không có	12/10/2023
2	Ông Mai Thành Công	Không có	Thành viên HĐQT	01/12/2023
3	Ông Đặng Quốc Việt	Không có	Thành viên HĐQT	28/03/2023
4	Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	Không có	28/03/2023

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty trong việc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2023. Dựa trên các nguyên tắc của sự trung thực, cẩn trọng và khách quan, đặc biệt là khi phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu ở ngưỡng an toàn và hiệu quả.
- Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 vào ngày 28/3/2022 theo đúng quy định.

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: ( không có )

### Hoạt động của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	22/22	100%	-
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	22/22	100%	-
3	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT, kiêm TGD	22/22	100%	-
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	22/22	100%	-
5	Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	03/5	60%	Vắng 02 buổi do bận công việc đột xuất
6	Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	15/17	92%	Vắng 02 buổi do bận công việc đột xuất

Hội đồng quản trị đã tổ chức 30 phiên họp, trong đó có 27 phiên họp trực tiếp, 01 cuộc họp trực tuyến và 2 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 02/NQ-XNK- HDQT	06/01/2023	Nghị quyết về việc thực hiện giao dịch với người có liên quan và người có liên quan của người nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT.
2	Số 05/NQ-XNK- HDQT	06/02/2023	Nghị quyết về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.
3	Số 19/NQ-XNK- HDQT	06/03/2023	Nghị quyết về phê duyệt huy động hạn mức tín dụng và thế chấp tài sản tại các Ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2023.
4	Số 21/NQ-XNK- HDQT	06/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.
5	Số 23/NQ-XNK- HDQT	06/03/2023	Nghị quyết về việc xin phê duyệt hạn mức vay vốn theo hợp đồng bán gạo xuất khẩu số P002438, ngày 27/01/2023 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Quốc.
6	Số 26/NQ-XNK- HDQT	21/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương chi hoa hồng môi giới xuất khẩu để tham dự thầu gạo do Công ty Perum Bulog, Indonesia mở thầu.
7	Số 42/NQ-XNK- HDQT	02/04/2023	Về việc ký kết hợp đồng ngoại thương có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
8	Số 46/NQ-XNK- HDQT	05/04/2023	Về việc phê duyệt hạn mức vay vốn theo hợp đồng bán gạo cho hợp đồng số PJ-203/DP000/04/2023 ngày 04/04/2023 tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Phú Quốc.
9	Số 57/NQ-XNK- HDQT	26/04/2023	Về việc chỉ trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt của Công ty CP XNK Kiên Giang.
10	Số 58/NQ-XNK- HDQT	26/04/2023	Về việc phê duyệt nguồn vốn đầu tư, mua sắm XDCB năm 2023 của Công ty CP XNK Kiên Giang.
11	Số 60/NQ-XNK- HDQT	26/04/2023	Về việc phê duyệt mức lương người quản lý chuyên trách.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
12	Số 64/NQ-XNK- HDQT	11/05/2023	Về việc chọn Công ty kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2023.
13	Số 66/NQ-XNK- HDQT	15/05/2023	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Phú Quốc.
14	Số 68/NQ-XNK- HDQT	15/05/2023	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại Ngân hàng PVCombank - CN Cần Thơ.
15	Số 70/NQ-XNK- HDQT	15/05/2023	Về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại Ngân hàng TPBank - CN Kiên Giang.
16	Số 72/NQ-XNK- HDQT	15/05/2023	Về việc xin phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 và thế chấp tài sản tại Ngân hàng VCB - Chi nhánh Kiên Giang.
17	Số 78/NQ-XNK- HDQT	14/06/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương cầm cố hợp đồng tiền gửi để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Phú Quốc.
18	Số 80/NQ-XNK- HDQT	19/06/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức vay vốn tăng thêm tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang.
19	Số 82/NQ-XNK- HDQT	19/06/2023	Nghị quyết về việc ký hợp đồng hợp tác khai thác tài sản và giữ hộ hàng hóa tại Xí nghiệp Kinh doanh xăng dầu An Bình.
20	Số 84/NQ-XNK- HDQT	28/06/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chủ trương cầm cố hợp đồng tiền gửi để vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Phú Quốc.
21	Số 97/NQ-XNK- HDQT	04/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt tăng hạn mức tín dụng năm 2023 và thế chấp tài sản tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang.
22	Số 99/NQ-XNK- HDQT	18/08/2023	Nghị quyết về việc chủ trương chọn đơn vị cải tạo, sửa chữa băng tải nhập hàng thuộc Xí nghiệp chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng.
23	Số 101/NQ-XNK- HDQT	25/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở miền Nam.
24	Số 103/NQ-XNK- HDQT	25/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh.
25	Số 106/NQ-XNK- HDQT	08/09/2023	Về việc thông qua chủ trương nâng cấp, cải tạo văn phòng làm việc trụ sở Công ty.
26	Số 108/NQ-XNK- HDQT	22/09/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
27	Số 110/NQ-XNK- HDQT	22/09/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt mua 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi hiệu Kia Carnival 3.5 G Signature để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
28	Số 112/NQ-XNK- HDQT	30/09/2023	Nghị quyết về việc trích lập quỹ tiền lương của người quản lý và người lao động năm 2023.
29	Số 114/NQ-XNK- HDQT	06/10/2023	Về việc thông qua chủ trương tổ chức đoàn khảo sát thị trường gạo tại Châu Âu.
30	Số 119/NQ-XNK- HDQT	13/10/2023	Nghị quyết tổ chức lấy phiếu ý kiến cổ đông bằng văn bản bầu, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
31	Số 130/NQ-XNK- HDQT	22/11/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 và thế chấp tài sản tại ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.
32	Số 132/NQ-XNK- HDQT	22/11/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2023 tại ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ.
33	Số 136/NQ-XNK- HDQT	30/12/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt chi tiền tết Dương lịch và Tết Nguyên đán năm 2024 cho Người quản lý Công ty.

## Hội đồng quản trị (tt)

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Hiện nay, toàn bộ các thành viên trong Hội đồng quản trị của Kigimex đều có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, VSDC và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

## Ban Kiểm soát

**Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Tính tại ngày 31/12/2023

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng BKS	1.500	0,006%	-	-
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên BKS	0	0,00%	-	-
4	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS	8.600	0,340%	-	-

### Bà Trần Thị Mai Trinh – Trưởng BKS

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Kinh tế ngành Tài chính kế toán

**Quá trình công tác:**

- 1995 - 04/2001 : Nhân viên kế toán trạm Sức khỏe tâm thần Kiên Giang.
- 05/2001 - 03/2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh Xuất nhập khẩu, Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 04/2011 - 08/2011: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Xuất nhập khẩu, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 09/2011 - 06/2016: Kiểm soát viên của Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- 07/2016 đến nay Trưởng Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Trưởng Ban kiểm soát.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 11.500 cổ phần, chiếm 0,05% vốn điều lệ

Sở hữu cá nhân: 1.500 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### Bà Trần Thị Phương Lan – Thành viên BKS

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

**Quá trình công tác:**

- 12/2007 - 04/2013: chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông
- 05/2013-03/2015: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Bột mì Bình Đông.
- 12/2016 - 23/01/2019: Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam.
- 24/01/2019-21/07/2020: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- 22/07/2020-09/12/2021: Chuyên viên Ban Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- 10/12/2021-28/03/2003: Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.
- 28/03/2003 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Chuyên viên Ban Tài chính – Kế toán Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên Ban Kiểm soát

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không có

### Ông Nguyễn Trường Giang – Thành viên BKS

**Trình độ chuyên môn:** Đại học Kế toán Tổng hợp

**Quá trình công tác:**

- 20/09/2004 - 31/10/2007: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
- 01/11/2007 - 12/2007: Nhân viên Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Kiên Long
- 15/12/2008 - 31/03/2009: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán
- 01/04/2009 - 27/05/2010: Quyền Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
- 28/05/2010 - 08/09/2014: Tổ trưởng Kế toán, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
- 09/09/2014 - 31/03/2016: 09/09/2014 - 31/03/2016 Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng
- 01/04/2016 - 04/02/2018: Phó Giám đốc, Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận
- 05/02/2018 – 27/4/2021: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán
- 29/4/2021 đến nay: Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần tại công ty, Phó trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty kiêm TV BKS Công ty

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên ban kiểm soát

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không.

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ.

Cá nhân sở hữu: 8.600 cổ phần, chiếm 0,034% vốn điều lệ.

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không có

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Bà Trần Tú Khanh	Vợ	8.600	0,034%



## Ban Kiểm soát (tt)

### Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên BKS	2/2	100%	
3	Bà Vũ Thị Minh Hiền	Thành viên BKS	0/0	-	Đã miễn nhiệm
4	Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên BKS	2/2	100%	

### Nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Số Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản họp BKS	28/3/2023	Phân công nhiệm vụ BKS năm 2023 Triển khai kế hoạch hoạt động BKS năm 2023
2	Biên bản họp BKS	29/12/2023	Triển khai kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 của BKS

### Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

- ĐHĐCĐ thường niên và các phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến thảo luận, báo cáo việc kiểm soát các hoạt động của Công ty để đề xuất với HĐQT.
- Ban kiểm soát đã tiến hành các kiểm tra giám sát định kỳ đối với Ban điều hành Công ty.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm 2022, báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 theo đúng quy định pháp luật.
- Đề xuất Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông lựa chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty theo đúng trình tự quy định.
- Giám sát việc Công ty thực hiện công bố thông tin đúng theo quy định.

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành có liên quan đến hoạt động SXKD, công tác quản trị và một số nội dung khác có liên quan phục vụ cho việc kiểm soát của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát.

Ban Kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, ban chuyên quản nội bộ công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ,...

## Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGĐ, BKS

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và Tên	Chức Danh	Tổng Lương	Tổng Thù Lao
1	Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	99.600.000	120.000.000
2	Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT (nghỉ hưu)	483.675.000	-
3	Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT, kiêm TGĐ	521.856.000	84.000.000
4	Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	9.927.200	7.000.000
5	Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGĐ	380.120.000	84.000.000
6	Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	15.600.000	21.000.000
7	Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	-	63.000.000
8	Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty	-	48.000.000
9	Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	380.120.000	-
10	Nguyễn Trường Giang	Thành viên	-	48.000.000
11	Trần Thị Phương Lan	Thành viên	-	36.000.000



# Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BDH, BKS (tt)

## Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Thưởng
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Phạm Minh Trung	TV. HĐQT kiêm P. TGD	51.700	0,20%	-	0,00%	Giảm: Do bán
2	Ông Đặng Quốc Việt	TV. HĐQT	2.643.000	10,39%	3.000	0,01%	Giảm: Do bán
3	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng BKS	11.500	0,05%	1.500	0,01%	Giảm: Do bán

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty cam kết duy trì quản trị theo đúng các quy định pháp luật, điều lệ, quy chế nội bộ và tiêu chí để đảm bảo sự suôn sẻ trong hoạt động. Mục tiêu hàng đầu của Công ty là tối đa hóa lợi ích cho cả công ty và cổ đông, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động, khuyến khích tận dụng hiệu quả nhất các nguồn lực.

Công ty cũng tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc bằng cách đào tạo cán bộ theo các thông báo từ UBCKNN, các cơ quan liên quan, và các khóa học quản trị của công ty. Hành động này giúp Công ty cải thiện hiệu suất kinh doanh, mở rộng khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn, đồng thời xây dựng lòng tin từ cổ đông và nhà đầu tư.



## Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Tên tổ chức/cá nhân	Tính chất giao dịch	Giá trị (đồng)		Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua
		2023	2022	
<b>Mua hàng</b>		30.734.874.154	63.661.225.551	
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - CTCP	Mua hàng ủy thác	-	39.878.845.001	
	Mua tài sản cố định	323.000.000	624.200.000	
CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Chi phí sửa chữa tài sản	2.039.875.000	17.500.000	
	Phí gia công	-	25.000.000	
Công ty Lương thực Trà Vinh	Mua hàng hóa	1.404.000.000	990.000.000	
Công ty Lương thực Long An	Mua hàng hóa	11.255.353.750	22.125.680.550	
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Mua hàng hóa	15.702.355.000	-	
Công ty Lương thực Tiền Giang	Mua hàng hóa	10.290.404	-	Nghị quyết số 02/NQ-XNK-HĐQT ngày 06/01/2023
<b>Mua dịch vụ</b>		-	10.799.689	
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - CTCP	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	-	10.799.689	
<b>Bán hàng</b>		68.359.147.382	59.529.491.359	
	Bán hàng ủy thác	-	1.151.931.900	
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - CTCP	Bán hàng hóa	68.246.004.524	57.238.515.000	
	Phí ủy thác xuất khẩu	-	4.755.859	
CTCP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Bán hàng hóa	-	1.116.000.000	
Công ty Lương thực Long An	Bán hàng hóa	-	18,288.600	
Công ty Lương thực Tiền Giang	Bán hàng hóa	131.142.858	-	



## Báo cáo tài chính

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

+84 (24) 3 783 2121

info@cpavietnam.vn

+84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn

Số: 80/2024/BCKT-CPA VIETNAM-NV2



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 12/01/2024, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1  
Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**  
**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**  
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2024

**Vũ Xuân Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>865.550.848.824</b>	<b>805.018.068.766</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>149.461.474.363</b>	<b>473.315.910.679</b>
1. Tiền	111		149.461.474.363	419.315.910.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	54.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>169.424.798.654</b>	<b>94.843.280.018</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	166.422.930.654	85.222.697.843
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.334.968.659	9.799.819.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.126.350.025	280.213.039
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(459.450.684)	(459.450.684)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>492.183.119.332</b>	<b>194.606.176.702</b>
1. Hàng tồn kho	141		525.119.202.134	214.589.458.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(32.936.082.802)	(19.983.281.673)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>54.481.456.475</b>	<b>42.252.701.367</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.324.636.590	1.203.312.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		53.069.423.709	41.049.268.897
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	87.396.176	120.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>191.639.243.344</b>	<b>203.215.897.535</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>75.000.000</b>	<b>48.000.000</b>
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	48.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>133.718.295.071</b>	<b>144.852.345.909</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	133.718.295.071	144.852.345.909
- Nguyên giá	222		460.629.560.972	456.069.754.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(326.911.265.901)	(311.217.408.552)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	1.356.388.307	1.356.388.307
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>56.489.559.966</b>	<b>56.959.163.319</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	56.489.559.966	56.959.163.319
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.057.190.092.168</b>	<b>1.008.233.966.301</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>786.136.585.621</b>	<b>744.213.995.496</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>783.100.388.880</b>	<b>741.448.153.555</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	343.853.871.958	48.817.094.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	13.718.429.736	45.269.244.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	5.943.542.676	4.045.710.132
4. Phải trả người lao động	314		9.020.990.609	5.465.578.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	19.994.671.686	9.091.373.041
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	642.686.249	8.642.182.837
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	380.428.915.900	616.688.281.847
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.500.000.000	636.819.378
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.997.280.066	2.791.868.787
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.036.196.741</b>	<b>2.765.841.941</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	3.036.196.741	2.765.841.941
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>271.053.506.547</b>	<b>264.019.970.805</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.16</b>	<b>271.053.506.547</b>	<b>264.019.970.805</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.209.733.538	4.039.313.829
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.543.773.009	5.680.656.976
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.204.417	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.503.568.592	5.680.656.976
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.057.190.092.168</b>	<b>1.008.233.966.301</b>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Chúc Hà

Kế toán trưởng

Trần Thị Diệp

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Dương Thị Thanh Nguyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	7.282.204.058.373	4.258.633.894.568
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	14.352.000.000	752.670.750
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	7.267.852.058.373	4.257.881.223.818
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	6.585.983.917.770	3.794.190.842.021
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		681.868.140.603	463.690.381.797
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	60.324.729.415	34.972.988.186
7. Chi phí tài chính	22	6.4	107.872.083.791	67.306.601.845
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		58.242.141.651	27.985.703.290
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	528.093.904.820	376.150.329.247
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	65.463.271.279	34.437.662.847
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		40.763.610.128	20.768.776.044
11. Thu nhập khác	31	6.6	2.519.162.739	1.986.622.823
12. Chi phí khác	32	6.6	22.257.678.503	11.799.062.266
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(19.738.515.764)	(9.812.439.443)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		21.025.094.364	10.956.336.601
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	8.521.525.772	5.275.679.625
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		12.503.568.592	5.680.656.976
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	492	208

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Chúc Hà*

*Trần Thị Diệp*



Dương Thị Thanh Nguyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.025.094.364	10.956.336.601
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		15.659.449.778	16.677.926.066
- Các khoản dự phòng	03		19.815.981.751	(19.014.165.862)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		375.012.258	8.582.873.934
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.626.940.801)	(671.148.044)
- Chi phí lãi vay	06		58.242.141.651	27.985.703.290
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		111.490.739.001	44.517.525.985
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(86.896.649.707)	244.501.495.399
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(310.529.743.759)	113.179.995.677
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		270.307.435.677	4.955.201.615
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		348.279.233	(1.687.778.379)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(58.651.194.792)	(27.550.281.041)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.657.438.937)	(1.974.182.805)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	1.590.243.961
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.044.214.000)	(1.349.499.692)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(81.632.787.284)	376.182.720.720
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.559.806.511)	(9.297.438.664)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.046.110.216
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.780.803.815	270.832.979
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(779.002.696)	(7.980.495.469)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		5.944.940.420.782	3.072.209.646.553
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.181.239.521.929)	(2.983.216.110.005)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.086.000.000)	(1.859.397.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(241.385.101.147)	87.134.138.948
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(323.796.891.127)	455.336.364.199
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		473.315.910.679	26.300.477.326
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(57.545.189)	(8.320.930.846)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	149.461.474.363	473.315.910.679

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

*Nguyễn Thị Chúc Hà*

*Trần Thị Diệp*



Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần) thành công ty cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HDTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005, các Giấy phép thay đổi gần đây nhất là lần thứ 21 ngày 28/3/2023 về việc cập nhật thông tin căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 21 ngày 28/3/2023 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên Sàn UpCOM. Mã giao dịch: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 254 người (tại ngày 31/12/2022 là 270 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cà đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sương sâm, trái vải,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

**1.3 Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2023 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực xuất khẩu An Hòa	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Áp Tân Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Áp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Áp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang - Xí nghiệp Kinh Doanh Xăng Dầu An Bình	44 Ngõ Thời Nhiệm, phường An Bình, tỉnh Kiên Giang

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Chi phí sửa chữa tài sản**

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)****Chi phí bảo hiểm**

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

**Chi phí trả trước khác**

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng

**Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước bao gồm các khoản trả trước để thuê đất, trong đó bao gồm cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định vô hình và các chi phí khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận và phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của Hợp đồng thuê đất tương ứng với thời gian từ 40-50 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau

- Chi phí lãi vay phải trả: trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhớt) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

**Doanh thu bán hàng hóa**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Doanh thu cung cấp dịch vụ (Tiếp theo)**

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm khoản giảm giá hàng bán, là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ các khoản trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và các khoản giảm khác đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

## Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý là trong nước và nước ngoài. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

## 5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.460.390.500	308.947.700
Tiền gửi ngân hàng	148.001.083.863	419.006.962.979
Các khoản tương đương tiền	-	54.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	-	54.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>149.461.474.363</b>	<b>473.315.910.679</b>

## 5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Akila Trading (PTY) Ltd	-	2.068.273.500
Sikakroabea Co.Ltd (i)	25.715.633.278	1.180.495.134
Công ty TNHH Chế biến lương thực Thanh Nhân	-	12.017.385
Perum BULOG	-	54.952.634.000
At Korea Agro-Fisheries & Food Trade Corporation	-	12.706.300.713
Dilai Trading Co PTE. Ltd	106.637.249.176	-
Phải thu các đối tượng khác (i)	34.070.048.200	14.302.977.111
<b>Tổng</b>	<b>166.422.930.654</b>	<b>85.222.697.843</b>

(i) Trong đó, Quyền đòi nợ (bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2023 là 35.973.828.478 VND) và lợi ích phát sinh từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đức Tài Tiền Giang	356.500.000	-
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật Agri Corp Limited	1.410.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đạt Nghĩa	-	2.566.258.375
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Lương thực Vinh Phát	-	3.990.000.000
Phải thu các đối tượng khác	568.468.659	1.203.561.445
<b>Tổng</b>	<b>2.334.968.659</b>	<b>9.799.819.820</b>

## 5.4 Phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.126.350.025</b>	<b>(126.350.025)</b>	<b>280.213.039</b>	<b>(126.350.025)</b>
Tạm ứng cho nhân viên	1.000.000.000	-	-	-
Lãi dự thu của các khoản tiền gửi có kỳ hạn	-	-	153.863.014	-
Phải thu khác	126.350.025	(126.350.025)	126.350.025	(126.350.025)
<b>Dài hạn</b>	<b>75.000.000</b>	<b>-</b>	<b>48.000.000</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	75.000.000	-	48.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.201.350.025</b>	<b>(126.350.025)</b>	<b>328.213.039</b>	<b>(126.350.025)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.5 Nợ xấu**

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>199.757.000</b>	-	<b>(199.757.000)</b>	<b>199.757.000</b>	-	<b>(199.757.000)</b>
Công ty TNHH Mỹ Nghi - Nguyễn Ngọc Thảo	129.757.000	-	(129.757.000)	129.757.000	-	(129.757.000)
Công ty TNHH Tâm Hùng	70.000.000	-	(70.000.000)	70.000.000	-	(70.000.000)
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>133.343.659</b>	-	<b>(133.343.659)</b>	<b>133.343.659</b>	-	<b>(133.343.659)</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng Thiên Nam Dương	17.604.000	-	(17.604.000)	17.604.000	-	(17.604.000)
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	65.739.659	-	(65.739.659)	65.739.659	-	(65.739.659)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	50.000.000	-	(50.000.000)	50.000.000	-	(50.000.000)
<b>Phải thu khác</b>	<b>126.350.025</b>	-	<b>(126.350.025)</b>	<b>126.350.025</b>	-	<b>(126.350.025)</b>
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	51.385.725	-	(51.385.725)	51.385.725	-	(51.385.725)
DNTN Mê Linh, An Giang	40.808.300	-	(40.808.300)	40.808.300	-	(40.808.300)
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	34.156.000	-	(34.156.000)	34.156.000	-	(34.156.000)
<b>Tổng</b>	<b>459.450.684</b>	-	<b>(459.450.684)</b>	<b>459.450.684</b>	-	<b>(459.450.684)</b>

20

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng,  
Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.6 Hàng tồn kho**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu (i)	188.322.808.980	(17.421.166.014)	120.354.766.819	(10.602.690.570)
Công cụ, dụng cụ	2.651.899.958	-	572.562.029	-
Thành phẩm (i)	25.088.361.809	(1.820.616.788)	26.621.281.074	(3.683.433.570)
Hàng hóa (i)	309.056.131.387	(13.694.300.000)	67.040.848.453	(5.697.157.533)
<b>Tổng</b>	<b>525.119.202.134</b>	<b>(32.936.082.802)</b>	<b>214.589.458.375</b>	<b>(19.983.281.673)</b>

(i) Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (Thuyết minh số 5.15) tại ngày 31/12/2023 là 513.197.985.719 VND (tại ngày 01/01/2023: 213.327.407.021 VND).

**5.7 Chi phí trả trước**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.324.636.590</b>	<b>1.203.312.470</b>
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	517.972.050	462.601.732
Chi phí sửa chữa tài sản	409.089.735	454.330.105
Chi phí bảo hiểm	159.401.217	131.833.580
Chi phí bốc xếp, đồ học, gia công hàng chờ xuất	166.998.255	135.713.715
Các khoản khác	71.175.333	18.833.338
<b>Dài hạn</b>	<b>56.489.559.966</b>	<b>56.959.163.319</b>
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	692.548.118	665.191.475
Chi phí sửa chữa tài sản	8.926.460.934	7.895.529.142
Chi phí bảo hiểm	117.830.833	161.904.328
Tiền thuê đất trả trước (i)	46.674.598.487	47.926.093.583
Các chi phí khác	78.121.594	310.444.791
<b>Tổng</b>	<b>57.814.196.556</b>	<b>58.162.475.789</b>

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời gian thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh Kiên Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoản thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2023, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê để cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 45.079.259.408 VND (tại ngày 01/01/2023: 46.292.542.796 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Đơn vị tính: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	226.984.095.678	152.878.128.779	73.807.483.268	884.344.630	1.515.792.106	456.069.754.461
Tăng trong năm	810.296.259	295.900.000	3.407.810.252	45.800.000	-	4.559.806.511
Mua trong năm	810.296.259	295.900.000	3.407.810.252	45.800.000	-	4.559.806.511
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	227.794.391.937	153.174.028.779	77.215.293.520	930.144.630	1.515.792.106	460.629.560.972
<b>GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại ngày 01/01/2023	147.587.489.757	99.945.436.161	61.407.818.414	799.308.913	1.477.355.307	311.217.408.552
Tăng trong năm	5.805.887.051	6.960.942.603	2.874.581.471	42.230.780	10.215.444	15.693.857.349
Khấu hao trong năm	5.805.887.051	6.960.942.603	2.874.581.471	42.230.780	10.215.444	15.693.857.349
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2023	153.393.376.808	106.906.378.764	64.282.399.885	841.539.693	1.487.570.751	326.911.265.901
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2023	79.396.515.921	52.932.692.618	12.399.664.854	85.035.717	38.436.799	144.852.345.909
Tại ngày 31/12/2023	74.400.925.129	46.267.650.015	12.932.893.635	88.604.937	28.221.355	133.718.295.071

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 92.311.843.864 VND (tại ngày 31/12/2022: 73.862.109.080 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 98.146.916.052 VND (tại ngày 31/12/2022: 105.319.779.975 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2023 là 4.857.843.108 VND (tại ngày 31/12/2022: 4.861.219.345 VND).

22

105

106

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
<b>Tổng</b>	<b>1.356.388.307</b>	<b>1.356.388.307</b>

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Trong năm 2023, Công ty đã lập tờ trình số 2192/TTr-XNK-KTĐT ngày 12/12/2023 gửi Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang; Phòng Tài nguyên - Môi trường; Phòng Quản lý Đô thị về việc xin điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất để thực hiện dự án mở rộng sân phơi cá cơm, nhà ở công nhân thuộc công trình Xí nghiệp chế biến cá cơm Hòn Chông, xã Bình An, huyện Kiên Lương. Dự kiến Công trình nêu trên sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2024.

**5.10 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thảo Minh Châu	-	-	94.003.718	94.003.718
Siam Golden Rice Company Limited	95.042.640.000	95.042.640.000	-	-
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	148.488.493.500	148.488.493.500	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	-	-	45.150.000.000	45.150.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	79.195.000.000	79.195.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	21.127.738.458	21.127.738.458	3.573.091.131	3.573.091.131
<b>Tổng</b>	<b>343.853.871.958</b>	<b>343.853.871.958</b>	<b>48.817.094.849</b>	<b>48.817.094.849</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Mẫu số B 09 - DN

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Syarikat Pelangi Tinggi	10.594.208.743	26.138.522.867
Timor Food Unipessoal LDA	89.182.470	16.234.033.000
Các đối tượng khác	3.035.038.523	2.896.688.396
<b>Tổng</b>	<b>13.718.429.736</b>	<b>45.269.244.263</b>

Trong đó:

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

## 5.12 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
<b>Phải nộp</b>	<b>4.045.710.132</b>	<b>9.094.360.231</b>	<b>7.196.527.687</b>	<b>5.943.542.676</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.029.866.662	8.521.525.772	6.657.438.937	5.893.953.497
Thuế thu nhập cá nhân	15.843.470	152.407.715	118.662.006	49.589.179
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	407.426.744	407.426.744	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
<b>Phải thu</b>	<b>120.000</b>	<b>-</b>	<b>87.276.176</b>	<b>87.396.176</b>
Thuế giá trị gia tăng	120.000	-	-	120.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	87.276.176	87.276.176

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Mẫu số B 09 - DN

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trích trước chi phí lãi vay	341.686.407	750.739.548
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	18.500.143.450	7.484.634.005
Trích trước chi phí vận chuyển	344.552.658	-
Trích trước chi phí sửa chữa	-	395.488.070
Trích trước chi phí dịch vụ	585.449.171	281.000.000
Các khoản khác	222.840.000	179.511.418
<b>Tổng</b>	<b>19.994.671.686</b>	<b>9.091.373.041</b>

## 5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Kinh phí công đoàn	-	25.904.516
Phải trả lãi tiền lãi chậm nộp tiền cổ phần hóa cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	-	7.902.592.072
Phải trả, phải nộp khác	642.686.249	713.686.249
<b>Tổng</b>	<b>642.686.249</b>	<b>8.642.182.837</b>

Trong đó:

Phải trả các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

-

7.902.592.072

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangMẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.15 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2023 (VND)		Biến động trong năm (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>380.428.915.900</b>	<b>380.428.915.900</b>	<b>5.944.913.555.982</b>	<b>6.181.172.921.929</b>	<b>616.688.281.847</b>	<b>616.688.281.847</b>
<i>Vay ngắn hạn trong năm</i>	<i>377.250.515.900</i>	<i>377.250.515.900</i>	<i>5.941.771.155.982</i>	<i>6.178.660.921.929</i>	<i>614.140.281.847</i>	<i>614.140.281.847</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Kiên Giang (i)	19.267.778.970	19.267.778.970	1.464.417.869.830	1.580.715.333.023	135.565.242.163	135.565.242.163
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	452.709.112.000	452.709.112.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (ii)	325.259.046.930	325.259.046.930	2.144.840.676.052	2.161.777.112.419	342.195.483.297	342.195.483.297
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Kiên Giang	-	-	255.934.741.000	255.934.741.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	27.277.098.000	27.277.098.000	-	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn (iii)	10.989.000.000	10.989.000.000	611.263.877.000	736.654.433.387	136.379.556.387	136.379.556.387
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (iv)	21.734.690.000	21.734.690.000	985.327.782.100	963.593.092.100	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.178.400.000</i>	<i>3.142.400.000</i>	<i>2.512.000.000</i>	<i>2.548.000.000</i>	<i>2.548.000.000</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (v)	3.178.400.000	3.178.400.000	3.142.400.000	2.512.000.000	2.548.000.000	2.548.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>3.036.196.741</b>	<b>3.036.196.741</b>	<b>3.479.354.800</b>	<b>3.209.000.000</b>	<b>2.765.841.941</b>	<b>2.765.841.941</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc (v)	3.036.196.741	3.036.196.741	3.479.354.800	3.209.000.000	2.765.841.941	2.765.841.941
<b>Tổng</b>	<b>383.465.112.641</b>	<b>383.465.112.641</b>	<b>5.948.392.910.782</b>	<b>6.184.381.921.929</b>	<b>619.454.123.788</b>	<b>619.454.123.788</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangMẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0035/23/HDK-KIGIMEX ngày 06/6/2023 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-0035/23/HDK-KIGIMEX ngày 20/6/2023. Giới hạn cấp tín dụng tối đa cho Công ty là 400.000.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2023, số dư nợ vay tại Ngân hàng tương ứng với Hợp đồng tín dụng cụ thể sau:

*Ngân hàng kinh doanh xăng dầu: Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0035/23/0341/RG/XD ngày 06/6/2023;*

- Hạn mức cho vay: 60.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: từ ngày hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 05/6/2024;
- Thời hạn cho vay của từng khoản vay: tối đa là 03 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay.
- Mục đích vay: phục vụ cho kinh doanh xăng dầu;
- Lãi suất: được xác định cụ thể tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ;

Các khoản tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình gồm máy móc, dây chuyền sản xuất, tài sản gắn liền với đất tại Xi nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng trực thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay, quyền tài sản phát sinh từ tất cả các Hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang và bên mua/bên thứ ba hình thành từ nguồn vốn vay do Ngân hàng tài trợ.

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/679501/HDTD ngày 20/6/2023 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cấp tín dụng: 400.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất thuê, hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh hình thành từ vốn vay do Ngân hàng tài trợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangMã số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số 1401LAV230103971 ngày 12/12/2023 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: đến hết ngày 11/12/2024;
- Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: theo quy định tại khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: ký quỹ 5% trị giá bảo lãnh, LC; thế chấp tài sản cố định hữu hình thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.
- Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn có giá trị là 450.000 USD, tương đương 10.989.000.000 VND.

(iv) Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 943/2023/HDTD ngày 18/09/2023 với các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 500.000.000.000 VND;
- Thời hạn hiệu lực: 12 tháng tính từ ngày ký Hợp đồng này;
- Thời hạn của từng khoản vay: tối đa 04 tháng đối với thu mua lúa gạo phục vụ sản xuất, kinh doanh lúa gạo trong nước/xuất khẩu và không vượt quá 06 tháng đối với giải ngân khi chưa có hợp đồng xuất khẩu đầu ra;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho: hoạt động xuất khẩu gạo, thu mua lúa gạo sản xuất trong nước;
- Lãi suất: theo quy định tại từng khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo theo chính sách tín dụng của Ngân hàng.
- Tại ngày 31/12/2023, các khoản vay ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh có giá trị là 890.000 USD, tương đương 21.734.690.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên GiangMã số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(v) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

*Hợp đồng số 01/2022/679501/HDTD ngày 29/4/2022:*

- Số tiền vay: 4.150.567.592 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 9%/năm; áp dụng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ.
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay;

*Hợp đồng cấp tín dụng số 03/2022/67950/HDTD ngày 18/11/2022:*

- Số tiền vay: 3.434.555.250 VND;
- Mục đích vay: Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 10%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần hoặc khi mặt bằng lãi suất trên thị trường có biến động;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.15 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2023/679501/HDTD ngày 30/6/2023:

- Số tiền vay: 800.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 09%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 5% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Hợp đồng cấp tín dụng số 05/2023/679501/HDTD ngày 01/12/2023:

- Số tiền vay: 1.200.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay trong hạn: 8,3%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 4,7% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;
- Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;
- Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31/12/2023, tổng số dư nợ vay trung dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc là 6.214.596.741 VND, trong đó, các khoản nợ vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tiếp theo tính tại ngày 31/12/2023 là 3.178.400.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**5.16 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
					Tổng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>2.656.581.947</b>	<b>13.827.318.819</b>		<b>270.783.900.766</b>
Lãi trong năm trước	-	-	5.680.656.976		5.680.656.976
Chia cổ tức	-	-	(11.138.340.000)		(11.138.340.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.382.731.882	(1.382.731.882)		-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.067.973.749)		(1.067.973.749)
Trích Quỹ thưởng ban điều hành	-	-	(138.273.188)		(138.273.188)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)		(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>4.039.313.829</b>	<b>5.680.656.976</b>		<b>264.019.970.805</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2023</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>4.039.313.829</b>	<b>5.680.656.976</b>		<b>264.019.970.805</b>
Lãi trong năm nay	-	-	12.503.568.592		12.503.568.592
Chia cổ tức (i)	-	-	(5.086.000.000)		(5.086.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	170.419.709	(170.419.709)		-
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(227.226.280)		(227.226.280)
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(56.806.570)		(56.806.570)
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(100.000.000)		(100.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>4.209.733.538</b>	<b>12.543.773.009</b>		<b>271.053.506.547</b>

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 39/NQ-XNK-DHDCĐ ngày 28/3/2023, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý: 01% lợi nhuận sau thuế, tương đương 56.806.570 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 03% lợi nhuận sau thuế, tương đương 170.419.709 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: 04% lợi nhuận sau thuế, tương đương 227.226.280 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 1,76% lợi nhuận sau thuế, tương đương 100.000.000 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 2% trên vốn điều lệ (200 VND/cổ phần), tương đương 5.086.000.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

## b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	21.184.800	83,31%	211.848.000.000	21.184.800	83,31%	211.848.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	-	0,00%	-	2.643.000	10,39%	26.430.000.000
Các cổ đông khác	4.245.200	16,69%	42.452.000.000	1.602.200	6,30%	16.022.000.000
<b>Tổng</b>	<b>25.430.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.300.000.000</b>	<b>25.430.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>254.300.000.000</b>

## c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	5.086.000.000	11.138.340.000

## d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phần)	10.000	10.000

## e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	4.209.733.538	4.039.313.829

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 5.17 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

## a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m<sup>2</sup>;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m<sup>2</sup>.

## b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Giá trị theo loại ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	5.806.565,62	16.956.406,43
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	130,19	167,64
Giá trị tương đương VND		
Đô la Mỹ (USD)	139.779.935.805	396.685.035.183
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	3.447.301	4.134.505

## c. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND	Năm xử lý
Đối tượng nợ phải thu khó đòi đã xử lý			
Lữ Thị Bông	25.000.000	25.000.000	Năm 2013
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.735.935	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đình - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoan	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
<b>Tổng</b>	<b>6.053.350.111</b>	<b>6.053.350.111</b>	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.281.197.963.349	4.255.631.181.099
Doanh thu cung cấp dịch vụ	861.106.774	1.467.734.971
Doanh thu khác	144.988.250	1.534.978.498
<b>Tổng</b>	<b>7.282.204.058.373</b>	<b>4.258.633.894.568</b>

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
68.359.147.382	59.529.491.359

## Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giảm giá hàng bán	14.352.000.000	752.670.750
<b>Tổng</b>	<b>14.352.000.000</b>	<b>752.670.750</b>

## Doanh thu thuần

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	7.266.845.963.349	4.254.878.510.349
Doanh thu cung cấp dịch vụ	861.106.774	1.467.734.971
Doanh thu khác	144.988.250	1.534.978.498
<b>Tổng</b>	<b>7.267.852.058.373</b>	<b>4.257.881.223.818</b>

## 6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	6.571.005.358.469	3.811.223.531.433
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.025.758.172	2.618.295.828
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.952.801.129	(19.650.985.240)
<b>Tổng</b>	<b>6.585.983.917.770</b>	<b>3.794.190.842.021</b>

Trong đó:

Mua hàng từ các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
30.734.974.154	63.661.225.551

## 6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	3.626.940.801	424.695.993
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	56.697.788.614	32.626.562.945
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	1.921.729.248
<b>Tổng</b>	<b>60.324.729.415</b>	<b>34.972.988.186</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	58.242.141.651	27.985.703.290
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	49.051.261.735	30.282.603.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	375.012.258	8.582.873.934
Các khoản chi phí tài chính khác	203.668.147	455.421.444
<b>Tổng</b>	<b>107.872.083.791</b>	<b>67.306.601.845</b>

## 6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí bán hàng	528.093.904.820	376.150.329.247
Chi phí nhân công	1.593.531.501	1.428.580.578
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	130.232.276.256	138.540.671.304
Chi phí khấu hao tài sản cố định	636.547.176	805.663.390
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.073.521.412	231.547.415.072
Chi phí bằng tiền khác	8.558.028.475	3.827.998.903
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>65.463.271.279</b>	<b>34.437.662.847</b>
Chi phí nhân công	29.265.441.822	13.427.502.367
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	3.008.835.594	1.024.020.091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.966.903.223	1.188.698.004
Thuế phí và lệ phí	60.182.649	71.884.649
Chi phí dự phòng	3.263.180.622	636.819.378
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	3.900.000.000	-
- (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng quỹ tiền lương	(636.819.378)	636.819.378
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.530.560.316	3.411.368.839
Chi phí bằng tiền khác	20.368.167.053	14.677.369.519
<b>Tổng</b>	<b>593.557.176.099</b>	<b>410.587.992.094</b>

Trong đó:

Chi phí bán hàng với các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)

Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
-	10.799.689

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 6.6 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	246.452.051
Nhập kho trấu năm 2022 chuyển sang	664.589.500	-
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi, công cụ dụng cụ	40.909.091	395.584.999
Thu nhập từ tiền khách hàng chuyển hoàn lại	469.929.500	-
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	477.103.605	953.240.750
Các khoản khác	866.631.043	391.345.023
<b>Tổng</b>	<b>2.519.162.739</b>	<b>1.986.622.823</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt và hủy hợp đồng kinh tế	3.771.506.628	11.161.884.110
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	18.295.021.486	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	-	80.617.436
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	68.390.245	513.665.737
Chi phí khác	122.760.144	42.894.983
<b>Tổng</b>	<b>22.257.678.503</b>	<b>11.799.062.266</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>(19.738.515.764)</b>	<b>(9.812.439.443)</b>

## 6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>21.025.094.364</b>	<b>10.956.336.601</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>21.640.362.192</b>	<b>15.422.561.154</b>
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	-	80.617.436
Chi phí không được trừ	569.878.142	250.772.180
Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020	20.928.274.094	6.338.035.472
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	142.209.956	8.753.136.066
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(57.827.697)</b>	<b>(499.632)</b>
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(57.827.697)	(499.632)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>42.607.628.859</b>	<b>26.378.398.123</b>
<b>Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>42.607.628.859</b>	<b>26.378.398.123</b>
<b>Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>20%</b>	<b>20%</b>
<b>Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.521.525.772</b>	<b>5.275.679.625</b>
<b>Tổng</b>	<b>8.521.525.772</b>	<b>5.275.679.625</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 (Trình bày lại) (ii) VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.503.568.592	5.680.656.976
Các khoản điều chỉnh	-	(384.032.850)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý	-	(284.032.850)
Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(100.000.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)</b>	<b>12.503.568.592</b>	<b>5.296.624.126</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)</b>	<b>492</b>	<b>208</b>

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2022, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 số 39/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 28/3/2023. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã trình bày trên Báo cáo năm trước VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.680.656.976	5.680.656.976	-
Các khoản điều chỉnh	-	(384.032.850)	(384.032.850)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý	-	(284.032.850)	(284.032.850)
Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	(100.000.000)	(100.000.000)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>5.680.656.976</b>	<b>5.296.624.126</b>	<b>(384.032.850)</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>223</b>	<b>208</b>	<b>(15)</b>

## 6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.379.245.289.555	1.345.870.044.352
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	4.278.033.363.387	2.514.653.551.702
Chi phí nhân công	48.397.889.935	29.851.805.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.910.944.874	17.929.421.162
Chi phí dịch vụ mua ngoài	413.299.075.203	246.015.231.675
Chi phí khác bằng tiền	29.805.629.899	19.141.749.802
(Hoàn nhập)/Trích lập các khoản dự phòng	(636.819.378)	636.819.378
<b>Tổng</b>	<b>7.165.055.373.475</b>	<b>4.174.098.624.032</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 7. THÔNG TIN KHÁC

## 7.1. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong năm:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
	Các nhân sự chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên	Ảnh hưởng đáng kể
7	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các thành viên lân cận trong gia đình họ	

## a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch	120.000.000	84.000.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyễn Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	7.000.000	-
Ông Phan Hùng Minh	Nguyễn thành viên HĐQT	21.000.000	84.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT	63.000.000	-
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty	48.000.000	48.000.000

Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	48.000.000
Bà Vũ Thị Minh Hiền	Nguyễn thành viên Ban Kiểm soát	-	48.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	36.000.000	-

Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	99.600.000	61.200.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyễn Phó Chủ tịch HĐQT	483.675.000	489.600.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	521.856.000	489.600.000
Ông Mai Thành Công	Thành viên HĐQT	9.927.200	-
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	380.120.000	353.600.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	380.120.000	353.600.000
Ông Phan Hùng Minh	Thành viên HĐQT	15.600.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

## 7.1. Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

## b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Mua hàng</b>			<b>30.734.974.154</b>	<b>63.661.225.551</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng ủy thác	-	39.878.845.001
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định Chi phí sửa chữa tài sản Phí gia công	323.000.000 2.039.975.000 -	624.200.000 17.500.000 25.000.000
Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	1.404.000.000	990.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	11.255.353.750	22.125.680.550
Công ty Lương thực Đồng Tháp	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	15.702.355.000	-
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	10.290.404	-
<b>Mua dịch vụ</b>			<b>-</b>	<b>10.799.689</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	-	10.799.689
<b>Bán hàng</b>			<b>68.359.147.382</b>	<b>59.529.491.359</b>
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác Bán hàng hóa Phí ủy thác xuất khẩu	- 68.246.004.524 -	1.151.931.900 57.238.515.000 4.755.859
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	1.116.000.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	18.288.600
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Bán hàng hóa	113.142.858	-

## c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Người mua trả tiền ngắn hạn</b>			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	-	379.804.839
		-	379.804.839
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Công ty mẹ	-	7.902.592.072
		-	7.902.592.072

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.921.097.019.083	325.498.670.859	21.256.368.431	7.267.852.058.373
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	668.800.883.386	10.869.780.682	2.197.476.535	681.868.140.603
Chi phí thuần của bộ phận	628.776.467.692	10.225.862.573	2.102.200.210	641.104.530.475
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	40.024.415.694	643.918.109	95.276.325	40.763.610.128

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định	4.419.536.511	140.270.000	-	4.559.806.511
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.914.498.026	984.203.004	760.748.748	15.659.449.778
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.252.116.679	144.347.463	742.982.513	7.139.446.655

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2023

	Đơn vị tính: VND			
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
<b>Tài sản bộ phận</b>				
Tài sản cố định	117.829.043.922	5.503.318.346	10.385.932.803	133.718.295.071
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	158.279.479.113	10.428.420.200	50.000.000	168.757.899.313
Hàng tồn kho	477.326.183.432	5.479.576.685	9.377.359.215	492.183.119.332
Tài sản không thể phân bổ				261.174.390.145
<b>Tổng</b>	<b>753.434.706.467</b>	<b>21.411.315.231</b>	<b>21.169.680.325</b>	<b>1.057.190.092.168</b>
<b>Nợ bộ phận</b>				
Các khoản phải trả	376.248.398.416	395.761.793	922.813.171	377.566.973.380
Phải trả tiền vay				383.465.112.641
Nợ phải trả không phân bổ				22.068.302.859
<b>Tổng</b>	<b>376.248.398.416</b>	<b>395.761.793</b>	<b>922.813.171</b>	<b>783.100.388.880</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vinh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

*Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			<b>Tổng</b>
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.763.861.121.793	465.389.578.344	28.630.523.681	4.257.881.223.818
<b>Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận</b>	<b>446.801.827.009</b>	<b>11.449.445.709</b>	<b>5.439.109.088</b>	<b>463.690.381.797</b>
Chi phí thuần của bộ phận	427.747.554.597	11.864.569.246	3.309.481.910	442.921.605.753
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận</b>	<b>19.054.272.412</b>	<b>(415.123.546)</b>	<b>2.129.627.178</b>	<b>20.768.776.044</b>

*Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			<b>Tổng</b>
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	5.658.641.852	-	3.638.796.812	9.297.438.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.890.956.038	1.076.393.842	710.576.186	16.677.926.066
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.867.240.027	432.203.219	346.198.788	6.645.642.034

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG  
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Vinh Lạc  
Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

**a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

*Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2022*

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			<b>Tổng</b>
	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	
<b>Tài sản bộ phận</b>				
Tài sản cố định	127.325.444.970	6.347.251.350	11.179.649.589	144.852.345.909
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	81.568.506.752	13.404.010.911	50.000.000	95.022.517.663
Hàng tồn kho	176.099.865.327	10.636.404.370	7.869.907.005	194.606.176.702
Tài sản không thể phân bổ				572.396.537.720
<b>Tổng</b>	<b>384.993.817.049</b>	<b>30.387.666.631</b>	<b>20.455.944.901</b>	<b>1.008.233.966.301</b>
<b>Nợ bộ phận</b>				
Các khoản phải trả	102.181.758.535	965.046.998	30.906.620	103.177.712.153
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				619.454.123.788
Nợ phải trả không phân bổ				21.582.159.555
<b>Tổng</b>	<b>102.181.758.535</b>	<b>965.046.998</b>	<b>30.906.620</b>	<b>744.213.995.496</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 – 87 đường Lạc Hồng, Phường Vĩnh Lạc

Thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)****b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý***Đơn vị tính: VND**Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023*

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	6.057.225.193.028	1.210.626.865.345	7.267.852.058.373

*Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	3.066.262.121.964	1.191.619.101.854	4.257.881.223.818

**7.3. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2024  
Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Điệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023****CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 03 năm 2024


**DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT**